

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12

GV: Lê Thị Hạnh

BÀI 9: VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI

Thời gian thực hiện: 11 tiết+ 4 tiết (ôn tập, kiểm tra, trả bài)

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức

*** Đọc:**

- Học sinh biết được giá trị của tác phẩm văn học:
- + Văn học mang lại những tri thức tổng hợp về cuộc sống, mở rộng hiểu biết của người đọc về nhiều lĩnh vực khác nhau: chính trị, lịch sử, địa lí, văn hoá, phong tục. Đặc biệt, văn học giúp độc giả thấu hiểu thế giới phức tạp của con người cá nhân, từ đó thấu hiểu chính mình.
- + Văn học còn có khả năng nhận thức về điều có thể xảy ra hay về một số phương diện phi lí, “bất khả tri” của cuộc sống. Do đó, văn học có thể hỗ trợ người đọc xây dựng được tâm thế sống tích cực, sẵn sàng ứng phó với bao biến cố khó lường ở phía trước.
- + Văn học tác động sâu sắc đến nhân sinh quan của người đọc.
- + Văn học giúp định hướng lí tưởng thẩm mĩ, màu sắc giác quan thẩm mĩ của con người.
- Nhận biết các yêu cầu cần đảm bảo giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và làm giàu cho tiếng Việt.

*** Viết:**

- Có nhận thức đúng về việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt để sử dụng phù hợp với chuẩn ngôn ngữ, góp phần làm cho tiếng nói của dân tộc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao tiếp.
- Viết được đoạn văn, văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học.

*** Nói và nghe:** Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

2. Về năng lực

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình.

3. Về phẩm chất

- Biết chủ động, lạc quan và vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.
- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và làm giàu hơn cho tiếng Việt.
- Tự tin giao tiếp, thể hiện năng lực tìm tòi, khám phá, sáng tạo của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.
2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tiết 91,92,93

PHẦN 1.

ĐỌC

ĐỌC

VĂN

BẢN 1:

VỘI

VÀNG

Thời gian

thực

hiện: 2

tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Cảm nhận được niềm khát khao sống mãnh liệt, sống hết mình và quan niệm về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc của Xuân Diệu được thể hiện qua tác phẩm.
- Thấy được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa mạch cảm xúc, mạch luận lí chặt chẽ cùng những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của nhà thơ.

2. Về năng lực

- + Hiểu được nội dung tư tưởng của tác phẩm, giá trị nghệ thuật.
- + Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng của tác phẩm.
- + Nhận biết và phân tích được một số từ ngữ, hình ảnh đặc sắc của tác phẩm.
- + Phân tích tác dụng nghệ thuật của các biện pháp tu từ nổi bật trong bài thơ.
- **Đọc mở rộng:** Các tác phẩm khác của nhà thơ Xuân Diệu.
- **Nghe - nói:** Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.
- **Viết:** Tạo lập văn bản nghị luận văn học.
- **Liên hệ, so sánh:** Biết liên hệ, so sánh với các tác phẩm cùng thời kì, cùng tác giả về cả nội dung và hình thức thể hiện.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm.

* Cụ thể:

- Biết quý trọng thời gian, yêu tuổi trẻ, yêu cuộc sống, góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp.
- Phân biệt được lối sống chủ động, tích cực với lối sống gấp không phù hợp với truyền thống dân tộc đang tồn tại trong giới trẻ hiện nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, ti vi, mạng wifi

2. Học liệu

- Hình ảnh chân dung của nhà thơ Xuân Diệu.
- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo.
- Tuyển tập Xuân Diệu hoặc một số tập thơ tiêu biểu của tác giả.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ (kiểm tra kết hợp khi khởi động bài học)

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

				V	U	Đ	I	N	H	L	I	E	N
				Ô	K	I	A						
T	H	I	S	I									
				V	Ơ	I							
		T	R	A	N	G	G	I	A	N	G		
	C	H	I	N	H	P	H	U	N	G	A	M	
	S	A	N	G	T	H	U						

- a. **Mục tiêu:** Tạo hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi ô chữ, trả lời các câu hỏi, tìm ra từ chìa khóa.
- c. **Sản phẩm:** Đáp án của 7 hàng ngang, tương ứng 7 câu hỏi. HS tìm ra ô chữ hàng dọc (ô từ khóa).
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân Hs xung phong chọn các ô hàng ngang, nghe gợi ý và đoán ô chữ. <u>Câu 1:</u> Bài thơ “<i>Ông đồ</i>” của nhà thơ nào? <u>Câu 2:</u> Điền vào dấu ba chấm.... “ ... <i>bóng nguyệt trên truông tắm</i> <i>Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe</i>” (Hàn Mặc Tử) <u>Câu 3:</u> Nhà thơ trong từ Hán Việt gọi là gì? <u>Câu 4:</u> Điền vào dấu “<i>Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già</i> <i>tiếng gió gào ngàn...giọng cười hét núi</i>” (Thế Lữ) <u>Câu 5:</u> Câu thơ: “<i>Lốp lốp mây cao đùn núi bạc</i>” được trích trong bài thơ nào? <u>Câu 6:</u> Câu thơ: “<i>Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước/</i> <i>Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen</i>” được trích từ tác phẩm nào? <u>Câu 7:</u> Câu thơ “<i>Bỗng nhận ra hương ổi</i>” được trích từ bài thơ nào của nhà thơ Hữu Thỉnh? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS chọn ô chữ để trả lời, tìm đáp án GV chiếu ô chữ Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét về các câu trả lời, dẫn dắt vào bài mới Mùa xuân là mùa đầu tiên trong năm, mùa cây cối đâm chồi nảy lộc. Và đây cũng là một đề tài lớn của thi ca. Có nhiều nhà thơ viết rất hay về mùa xuân. Hàn Mặc Tử thiết tha và hoài niệm với “Mùa xuân chín”, Nguyễn Bính nồng	Đáp án - Ô chữ hàng ngang + Ô số 1: Vũ Đình Liên + Ô số 2: <i>Ô kìa</i> + Ô số 3: Thi sĩ + Ô số 4: <i>Với</i> + Ô số 5: <i>Tràng giang</i> + Ô số 6: <i>Chinh phụ ngâm.</i> + Ô số 7: Sang Thu Ô chữ hàng dọc(ô từ khóa) : VỘI VÀNG
--	--

nàn với mùa xuân xanh, Anh Thơ mơ mộng và dân dã với “Bến đò ngày xuân”. Xuân Diệu đắm say và băn khoăn với “Vội vàng”. Nhà thơ Xuân Diệu được Hoài Thanh mệnh danh là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới... Thơ Xuân Diệu là nguồn sống dạt dào chưa từng thấy ở chốn non nước lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, cuống quýt, muôn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui, khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết”. Có thể nói “Vội vàng” là bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác của nhà thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng 8.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu:

- Nhận thức được tác động sâu sắc của văn học đến nhân sinh quan, lí tưởng thẩm mĩ của người đọc.
- Nhận biết các yêu cầu cần đảm bảo giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và làm giàu hơn cho tiếng Việt.

b. **Nội dung:** HS tìm hiểu các kiến thức về giá trị của tác phẩm văn học, ý thức về việc gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.

c. Sản phẩm:

- Hiểu biết của học sinh về giá trị, chủ đề tư tưởng, cảm hứng của tác phẩm văn học.
- Nhận thức của học sinh về việc gìn giữ và phát triển sự trong sáng của tiếng Việt.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân Gv đưa ra các câu hỏi: Tìm hiểu tiêu dẫn SGK và trình bày những nét chính về giá trị của tác phẩm văn học (giá trị nhận thức, giá trị giáo dục, giá trị thẩm mĩ, giá trị văn hóa)? Thế nào là chủ đề của tác phẩm văn học? Thế nào là tư tưởng của tác phẩm văn học? Thế nào là cảm hứng của tác phẩm văn học?	1. Giá trị của tác phẩm văn học a. Giá trị nhận thức Văn học mang lại những giá trị tổng hợp về đời sống, mở rộng hiểu biết của người đọc về nhiều lĩnh vực khác nhau. - Văn học giúp độc giả hiểu thế giới phức tạp của con người cá nhân, từ đó hiểu chính mình. - Văn học có khả năng nhận thức về điều có thể xảy ra hay một số phương diện phi lí, “bất khả tri” của cuộc sống. b. Giá trị giáo dục - Văn học tác động sâu sắc đến nhân sinh quan của người đọc, giúp con người thể nghiệm, đồng cảm với nhân vật. - Bằng cách đánh thức sự tự suy ngẫm, con người sẽ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe câu hỏi - HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ cá nhân. - GV hỗ trợ, động viên, khích lệ học sinh Bước 3. Báo cáo Câu trả lời của HS và ý kiến của các HS khác. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.	chuyển hóa, tự hoàn thiện bản thân. c. Giá trị thẩm mỹ Văn học giúp người đọc biết rung động trước cái đẹp, biết thẩm định cái đẹp, biết phát hiện cái đẹp trong cuộc sống. d. Giá trị văn hóa Văn học giúp bảo tồn giá trị văn hóa, sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới. 2. Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng của tác phẩm văn học a. Chủ đề là phương diện chính yếu của đề tài, tư tưởng quán xuyến trong tác phẩm. b. Tư tưởng là sự nhận thức, lí giải của nhà văn về hiện thực đời sống, được bộc lộ qua cách lựa chọn đề tài, xây dựng hình tượng, tổ chức ngôn từ trong tác phẩm. c. Cảm hứng là cảm xúc mãnh liệt, được dồn nén cao độ, thúc đẩy hoạt động sáng tạo của nhà văn, nhà thơ. Đồng thời, cảm hứng có khả năng khơi gợi sự đồng cảm, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người đọc. 3. Gìn giữ và phát triển sự trong sáng của tiếng Việt - Đây là việc cần thiết, là trách nhiệm của mỗi người đối với tiếng nói mà cha ông để lại. - Việc gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt đòi hỏi chúng ta phải tuân thủ các quy tắc về ngữ âm, chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. Mặt khác, cần sử dụng một cách sáng tạo, bổ sung các yếu tố mới để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao tiếp của cộng đồng.
---	---

Nội dung 2. Tìm hiểu khái quát

- Mục tiêu:** HS hiểu được những đặc điểm về cuộc đời, phong cách thơ Xuân Diệu, những đóng góp của Xuân Diệu trong văn học hiện đại Việt Nam.
- Nội dung:** Đọc tiểu dẫn, trả lời câu hỏi tập trung vào 2 nội dung: tác giả, tác phẩm.
- Sản phẩm:** Thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân ? Giáo viên lưu ý những từ ngữ được chú thích ở phía dưới trang sách để giúp học sinh hiểu nghĩa của văn bản. ? Giáo viên hướng dẫn (cách ngắt nhịp, điểm nhấn, giọng đọc), đọc mẫu một đoạn và yêu cầu học sinh đọc diễn cảm văn bản. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác gia Xuân Diệu (1916 – 1985) - Bút danh là Trảo Nha. - Là một trong những nhà thơ nổi tiếng của phong trào thơ mới, với những cách tân táo bạo về nghệ thuật và một giọng thơ sôi nổi, đắm say, tràn đầy tình yêu cuộc sống. - Ông là một nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú.
--	--

HS khác lắng nghe và nhận xét Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HS đọc bài Bước 4: GV nhận xét cách đọc của học sinh. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác gia Xuân Diệu? Hãy nêu xuất xứ và vị trí bài thơ “Vội vàng”? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi theo nhiệm vụ mà GV đưa ra. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ GV gọi 2-3 HS trả lời HS khác lắng nghe, nhận xét Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức	- Sự nghiệp thơ ca của Xuân Diệu được chia làm hai thời kì: Trước cách mạng, hồn thơ ông “tha thiết, rạo rực, băn khoăn”, sau cách mạng Xuân Diệu gắn bó mật thiết với cách mạng, với nhân dân. 2. Tác phẩm - Xuất xứ: Rút từ tập “<i>Thơ thơ</i>” (1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu - thi sĩ “<i>mới nhất trong các nhà thơ mới</i>” (Hoài Thanh).
---	--

Nội dung 3: Khám phá văn bản

- Mục tiêu:** Thấy được bức tranh cuộc sống trần thế tràn đầy âm thanh, màu sắc và khát vọng muốn níu giữ tuổi xuân của nhà thơ.
- Nội dung:** Thảo luận nhóm tập trung vào 2 nội dung:
 - Khát vọng của nhà thơ.
 - Bức tranh thiên đường trên mặt đất.
- Sản phẩm:** Bài làm nhóm của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Nhiệm vụ 1: Cảm nhận về nhịp điệu của bài thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức thảo luận nhóm theo yêu cầu, thời gian 7’. Nhóm 1: Nhịp điệu là gì? Nhịp điệu bài thơ nhanh hay chậm? Dựa vào đâu em có cảm nhận như vậy? Nhóm 2: Nhịp điệu thay đổi ra sao trong suốt bài thơ? Nhóm 3, 4: Qua sự thay đổi của nhịp điệu, em cảm nhận được điều gì về tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình, về nhịp điệu cuộc sống được diễn tả trong bài thơ? Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập GV theo dõi, hỗ trợ (nếu nhóm học sinh	II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN 1. Cảm nhận về nhịp điệu của bài thơ - Nhịp điệu là thuật ngữ chỉ sự phối hợp về trường độ của âm thanh trong âm nhạc (độ dài ngắn, nhanh chậm của âm thanh). Trong thơ ca, nhịp điệu là yếu tố tạo nên nhạc tính, góp phần bộc lộ cảm xúc cũng như thể hiện nhịp điệu cuộc sống trong cảm nhận của nhà thơ. - Nhịp điệu bao trùm trong bài thơ <i>Vội vàng</i> là nhịp điệu nhanh, mạnh, gấp gáp, thể hiện cảm xúc sôi nổi, rạo rực của nhân vật trữ tình và bức tranh cuộc sống vui tươi, náo nhiệt, tràn đầy thanh sắc. - Nhịp điệu này được tạo nên bởi cách sử dụng các điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ("<i>Của ong bướm này đây tuần tháng mật;/ Này đây hoa của đồng nội xanh rì;</i>",...), bởi cách ngắt nhịp đột ngột ("<i>Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:</i>"), bởi các câu khiến đầy giục
--	---

gặp khó khăn).

Bojóc 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả, HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung(nếu có).

Bojóc 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Giáo viên đánh giá, chốt kiến thức

- GV lưu ý HS về cách lắng nghe nhịp điệu của một bài thơ: Để cảm nhận nhịp điệu của một bài thơ, có thể đọc to để cảm nhận nhịp nhanh chậm, đều đặn, khoan thai hay gấp gáp của âm thanh, đặc biệt chú ý đến cách ngắt nhịp, nhấn mạnh các điệp từ, điệp ngữ, điệp câu trúc, từ đó cảm nhận mạch vận động của cảm xúc cũng như hơi thở cuộc sống được thể hiện trong bài thơ.

Nhiệm vụ 2: Phân tích đặc điểm ngôn từ trong văn bản.

Bojóc 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân

Nêu tác dụng của thủ pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được thể hiện qua các câu thơ: “Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi”, “tháng giêng ngon như một cặp môi gần”, “Hồi xuân hồng ta muốn cắn vào người”.

Nhà thơ sử dụng thủ pháp tương phản trong các câu: “Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:”, “Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua”, “Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật” mang lại hiệu quả nghệ thuật gì?

Cách so sánh độc đáo “Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần;” thể hiện cảm nhận riêng của Xuân Diệu về thế giới như thế nào?

Cách sử dụng các động từ mạnh mang đến cảm nhận gì cho bạn đọc?

Bojóc 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân

GV gợi ý, hỗ trợ học sinh khi cần

giã (“Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm”, “-Hồi xuân hồng, ta muốn cắn vào người!”,...). Tuy nhiên, nhịp điệu dường như chùng lại, chậm hơn ở giữa bài thơ (“Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...”), thể hiện nỗi tiếc nuối, tuyệt vọng của nhân vật trữ tình trước sự chảy trôi không thể dừng lại của thời gian.

2. Ngôn từ trong văn bản

- Thủ pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được thể hiện qua các cách diễn đạt “mùi tháng năm”, “vị chia phôi”, “Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần;”- “Hồi xuân hồng, ta muốn cắn vào người!” làm hiện lên một chủ thể trữ tình vô cùng nhạy bén, tinh tế, muốn căng mọi giác quan ra để cảm nhận cuộc sống và đồng thời mỗi giác quan của chủ thể đều có sự tương ứng, tương thông.

- Thủ pháp tương phản được sử dụng gần như xuyên suốt bài thơ “Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:”, “Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua”, “Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật”,... thể hiện sự đối lập sâu sắc giữa cá nhân và toàn bộ tồn tại, giữa những cảm xúc trái ngược bên trong chủ thể, tạo nên giọng điệu băn khoăn, chật vạt, hoài nghi trong bài thơ.

- Cách so sánh độc đáo “Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần;” thể hiện cảm nhận riêng của Xuân Diệu về thế giới, trong đó thế giới hiện lên trong con mắt của một chủ thể say đắm, muốn nếm trải, chiếm lĩnh cả thế giới một cách trọn vẹn. Hình thức câu thơ vắt dòng: “Tôi muốn tắt nắng đi/ Cho màu đừng nhạt mất;”; “Ta muốn ôm/ Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;”;... phá vỡ khuôn khổ gò bó, trang nghiêm của câu thơ truyền thống, làm nổi bật giọng nói vội vã, hối hả, đầy say mê, khiến cho dòng chảy cảm xúc dường như tràn trên trang giấy.

- Cách sử dụng các động từ mạnh, thể hiện ham muốn mãnh liệt muốn tận hưởng tất cả

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

HS trả lời các câu hỏi mà GV đưa ra
HS khác lắng nghe, nhận xét, đưa ra quan điểm khác của bản thân (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3: Phân tích bức tranh mùa xuân.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân

Bức tranh thiên nhiên mùa xuân được nhà thơ miêu tả như thế nào?

Cách so sánh độc đáo "*Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần*"; "thể hiện cảm nhận riêng của Xuân Diệu về thế giới như thế nào?

Tâm trạng tưởng mâu thuẫn nhưng thực ra lại thống nhất trong câu thơ: "*Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa*" mang đến cảm nhận gì cho bạn đọc?

Điệp từ "*này đây*" có tác dụng gì?

Nêu cảm nhận khái quát về bức tranh

thanh sắc của cuộc đời.

Tóm lại, bằng một loạt cách tân nghệ thuật, Xuân Diệu đã làm mới ngôn từ, phá bỏ những công thức ước lệ quen thuộc, những quy tắc ngữ pháp và khuôn khổ gò bó của thơ ca truyền thống, để biểu đạt một cách thành thực, nồng nhiệt dòng cảm xúc của tâm hồn, tạo nên cảm giác mới mẻ cho người đọc.

3. Bức tranh mùa xuân

- Được cảm nhận ở thời điểm ban đầu:

+ Buổi sáng – khởi đầu một ngày mới.

+ *Tuần tháng mật* – khởi đầu cuộc sống lứa đôi.

+ *Tháng giêng* – khởi đầu cho một năm mới.
-> Thời khắc đẹp đẽ, tinh khôi, tươi mới.

- Hình ảnh, màu sắc, âm thanh đẹp đẽ, tươi non, trẻ trung:

+ *Ong bướm tuần tháng mật*

+ *Hoa của đồng nội xanh rì*

+ *Lá của cành tơ phơ phất*

+ *Khúc tình si của yến anh*

+ *Ánh sáng chớp hàng mi*

-> Cảnh vật quen thuộc, gần gũi, mang nét đặc trưng của mùa xuân. Hấp dẫn, gợi cảm như một người thiếu nữ trẻ trung, đầy sức sống.

- So sánh cuộc sống thiên nhiên như người đang yêu, như tình yêu đôi lứa đắm say, tràn trề hạnh phúc: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*

+ So sánh mới mẻ, độc đáo và táo bạo: lấy con người làm chuẩn mực cho mọi vẻ đẹp trên thế gian – điều mà trong thơ cổ điển chưa có được.

+ Thể hiện sự chuyển đổi cảm giác tài tình từ thị giác sang vị giác để ca ngợi vẻ đẹp tình yêu đôi lứa, hạnh phúc tuổi trẻ.

- Tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng thống nhất: *Sung sướng >< vội vàng*: Câu thơ như tách ra làm 2:

+ Trên: Hình ảnh tươi nguyên của cuộc sống vui, háo hức.

+ Dưới: Nỗi buồn, băng khuâng, băn khoăn.

-> Cảm nhận được sự trôi chảy của thời gian.

mùa xuân?	Muốn sống gấp, sống nhanh, sống vội để
-----------	--

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS làm việc cá nhân. GV gợi ý, hỗ trợ học sinh khi cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động HS trả lời các câu hỏi mà GV đưa ra HS khác lắng nghe, nhận xét, đưa ra quan điểm khác của bản thân(nếu có) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chốt kiến thức.	chạy đua với thời gian. - Các câu thơ kéo dài thành 8 chữ để dễ dàng vẽ bức tranh cuộc sống thiên đường chính ngay trên mặt đất, ngay trong tầm tay của mỗi chúng ta. - Điệp từ: <i>Này đây</i> -> Tất cả như được bày sẵn, mời gọi mọi người thưởng thức một bữa tiệc trần gian. - Nhịp thơ nhanh, gấp biểu hiện hơi thở sống, nhịp điệu sống, nhịp thở phập phồng. => Đoạn thơ thứ hai cho người đọc thấy bức tranh thế giới tươi đẹp, căng tràn sức sống, đầy màu sắc, âm thanh, rực rỡ ánh sáng, như một thiên đường nơi hạ giới. Các hình ảnh đẹp được miêu tả ở trạng thái hoà hợp, trong thời điểm trẻ trung, viên mãn nhất ("<i>hoa của đồng nội xanh rì</i>", "<i>lá của cành tơ phơ phất</i>", "<i>ong bướm [...] tuần tháng mật</i>", "<i>Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần</i>;" . Bức tranh cuộc sống này được nhìn qua lăng kính của tình yêu, tuổi trẻ, gợi cảm giác vui tươi, rộn ràng, náo nức, thể hiện trạng thái say mê, tràn đầy niềm yêu cuộc sống của người quan sát - chủ thể trữ tình.
---	--

Nhiệm vụ 4: Phân tích về nhân vật trữ tình Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nhân vật trữ tình tự bộc lộ mình như thế nào, qua những dấu hiệu nào? Nhân vật trữ tình trong bài có những phẩm chất đặc biệt nào? Nhân vật trữ tình có vai trò gì trong một bài thơ? Vì sao khi phân tích thơ, ta lại phải quan tâm đến nhân vật trữ tình? Làm thế nào để nhận ra và phân tích nhân vật trữ tình trong một bài thơ? Từ những phân tích trên về nhân vật trữ tình, hãy chỉ ra mạch vận động cảm xúc trong bài thơ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS làm việc cá nhân GV gợi ý, hỗ trợ học sinh khi cần	4. Nhân vật trữ tình - Nhân vật trữ tình là nhân vật xưng “tôi” trong bài thơ. Ở đoạn thơ thứ nhất, nhân vật trữ tình hiện lên với ý muốn mãnh liệt: “<i>tắt nắng</i>”, “<i>buộc gió</i>” để chống lại sự trôi pha của thời gian, để lưu giữ lại vẻ đẹp của cuộc sống. Ở đoạn thơ thứ hai, mặc dù chủ thể trữ tình chỉ bộc lộ một cách gián tiếp qua cách quan sát thế giới, nhưng người đọc vẫn có thể nhận thấy ẩn sau bức tranh cảnh vật là tình yêu say đắm, tha thiết với những cảnh sắc của trần gian. - Nhân vật trữ tình trong bài thơ là một con người yêu đời, ham sống, muốn tận hưởng từng phút giây cuộc sống, muốn nếm trải trọn vẹn toàn bộ vẻ đẹp của cuộc sống bằng tất cả các giác quan của mình. - Nhân vật trữ tình là phương tiện gián tiếp để thể hiện cảm xúc của nhà thơ, là nhân tố trung tâm của bài thơ, thể hiện cá tính sáng tạo riêng của nhà thơ. Nhân vật trữ tình thường hiện lên
---	---

dung lớn của bài thơ nói lên điều gì?	pháp, cách ngắt nhịp, cách diễn đạt mới mẻ, độc
---------------------------------------	---

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân HS, ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. GV gợi ý, hỗ trợ học sinh khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động HS trả lời các câu hỏi mà GV đưa ra HS khác lắng nghe, nhận xét, đưa ra quan điểm khác của bản thân(nếu có) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chốt kiến thức.	đáo, cách cảm nhận mùa xuân mới mẻ bằng tình yêu lứa đôi và mọi giác quan. 2. Ý nghĩa văn bản - Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu - nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b. **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân Thời gian được miêu tả và cảm nhận ra sao? Qua cách miêu tả, cảm nhận đó, em nhận thấy quan niệm gì của nhà thơ? So sánh quan niệm về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội vàng" với quan niệm về thời gian trong một tác phẩm văn học trung đại, ví dụ "Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác thiền sư. Theo em, vì sao có sự khác nhau đó? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS làm việc cá nhân GV gợi ý, hỗ trợ học sinh khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động HS trả lời các câu hỏi mà GV đưa ra. HS khác lắng nghe, nhận xét, đưa ra quan điểm khác của bản	- Tác giả đã miêu tả thời gian đất trời chảy trôi, phôi pha; thời gian sinh mệnh thì ngắn ngủi, hữu hạn. Đằng sau cách miêu tả đó, có thể thấy một cảm thức về sự mất mát của thời gian, gắn liền với sự ly biệt và tan vỡ của toàn bộ hạnh phúc, niềm vui, tình yêu, tuổi trẻ. - Trong "Cáo tật thị chúng" thời gian vũ trụ được miêu tả như một vòng quay tuần hoàn, sự sống tuy biến đổi theo quy luật sinh - lão - bệnh - tử, thành - trụ - hoại - không, song vẫn bất diệt, vĩnh cửu. Ngược lại, trong bài thơ "<i>Vội vàng</i>", Xuân Diệu đưa ra một quan niệm mới về thời gian: thời gian tuyến tính, một đi không trở lại, sự sống là hữu hạn. Hai quan niệm khác nhau về thời gian này bắt nguồn từ hai lăng kính khác nhau về thế giới. Các nhà thơ trung đại như Mãn Giác thiền sư đón nhận các tư tưởng triết học và tôn giáo phương Đông, thường đồng nhất mình với vũ trụ, nhìn thế giới qua lăng kính của vũ trụ. Trong khi đó, các nhà thơ hiện đại đón nhận tư tưởng từ phương Tây, thường đề cao con người cá nhân, nhìn thế giới qua lăng kính của cá nhân. Đằng sau cách lý giải của mỗi nhà thơ về thời gian, ta có thể thấy nhân sinh quan, thế giới quan của thời đại. - Qua bài thơ, ta có thể nhận thấy quan niệm mới mẻ của nhà thơ về tình yêu và tuổi trẻ. Tuổi trẻ là khoảng thời gian quý giá nhất của đời người. Tình yêu là kết tinh những gì đẹp đẽ nhất của trần gian. Những
---	--

thân (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chốt kiến thức.	quan niệm này có thể được phát biểu một cách trực tiếp, ví dụ: "<i>Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,/ Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!</i>", "<i>Ta muốn say cánh bướm với tình yêu</i>"...; có thể được thể hiện một cách gián tiếp qua cách miêu tả thế giới, cách sử dụng ngôn từ của tác giả trong bài thơ.
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- Nội dung:** Viết đoạn văn 150 chữ nêu tác động của bài thơ "Vội vàng" đến nhận thức của độc giả về thời gian, tuổi trẻ.
- Sản phẩm:** Kết quả của HS
- Tổ chức thực hiện**

Đề bài: Bài thơ "Vội vàng" của Xuân Diệu đã tác động như thế nào đến nhận thức của bạn về thời gian và tuổi trẻ. Viết đoạn văn khoảng 150 chữ để trả lời câu hỏi này?

GV hướng dẫn, HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1,5
	Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Bài thơ “Vội vàng” của Xuân Diệu đã tác động đến nhận thức của bạn về thời gian và tuổi trẻ	
	Nêu một tác động tích cực của bài thơ	3
	Phân tích được sâu sắc về những tác động tích cực của bài thơ đến nhận thức của bạn đọc, rút ra được bài học cho bản thân.	6,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	1,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. **Củng cố:** Khắc sâu kiến thức bằng sơ đồ tư duy.

5. **HĐVN:** Học bài và soạn bài tiếp theo: *Trở Về* (Trích *ông già và biển cả* - Ô-nít Hê-minh-uê).

VĂN BẢN 2: TRỞ VỀ
(Trích Ông già và biển cả)
Ô – nít Hê – minh – uê (Ernest Hemingway)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được các thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.
- Nhận biết được bố cục và mối liên hệ giữa các phần trong văn bản *Trở về*.
- Cảm nhận và phân tích nhân vật, từ đó rút ra bài học cho bản thân về giá trị của lao động và cuộc sống.
- Nắm bắt được đặc điểm của nguyên lí tảng băng trôi, của ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại trong tác phẩm.

2. Về năng lực:

- Đọc hiểu, nhận biết được các thông tin trong văn bản: Tác giả, tác phẩm, bố cục, nhân vật....
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi đến người đọc.
- Phát hiện được giá trị nhận thức, triết lý nhân sinh từ văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Nhận thức được giá trị của lao động và cuộc sống.
- Biết chủ động, lạc quan vượt lên mọi nghịch cảnh trong cuộc sống để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

*** Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy.
- Phương tiện dạy học: máy chiếu/tivi, máy tính kết nối mạng.

*** Học sinh:**

- Sách giáo khoa, vở soạn theo hệ thống câu hỏi của phiếu giao nhiệm vụ mà giáo viên phát
- Bút, vở ghi....

2. Học liệu

- Video cuộc đời sự nghiệp của Ô – nít Hê – minh – uê, phiếu học tập....
- Phiếu giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng khởi cho học sinh tiếp nhận trọng tâm bài học.
- Học sinh biết chia sẻ sự hiểu biết và trải nghiệm của mình.

b. Nội dung:

- Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Hs chủ động trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

c. **Sản phẩm:** Hs trao đổi suy nghĩ của mình

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu học sinh đọc văn bản (ở nhà) để trao đổi về vấn đề: + Em đã từng đọc cuốn sách hay xem bộ phim nào mà ở đó nhân vật chính phải trải qua một cuộc hành trình tưởng chừng vượt quá sức mình chưa? Chia sẻ cảm nhận về chặng cuối của hành trình đó. + Nhan đề “trở về” gợi lên cho em những suy nghĩ, liên tưởng gì? (Trọng tâm chốt vấn đề) B2. Thực hiện nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ bằng hình thức làm việc cá nhân. B3. Báo cáo thảo luận: - HS chia sẻ quan điểm của mình, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện (Nếu có) - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV cho hs nhận xét chéo nhau. - GV chốt kiến thức.	* HS chia sẻ suy nghĩ. * Nhan đề “Trở về” trong tiểu thuyết “Ông già và biển cả” gợi suy nghĩ, liên tưởng: - Hành trình trở về mang ý nghĩa thể xác: + Sau 84 ngày lênh đênh trên biển, Santiago – Nhân vật chính cuối cùng cũng đã trở về bến cảng với bộ xương cá kiếm khổng lồ. + Thể hiện sự an toàn, kết thúc hành trình gian nan, thử thách của ông lão. + Con cá kiếm chỉ còn lại bộ xương => sự mất mát to lớn về vật chất và tinh thần của Santiago. - Hành trình trở về mang ý nghĩa về mặt tinh thần: + Hành trình ra khơi bắt cá là hành trình chinh phục thử thách, khẳng định bản thân của Santiago, (Ông lão vượt qua sự cô đơn, hiểm nguy và những nghi ngờ về khả năng của bản thân) + Khẳng định ý chí, nghị lực phi thường của con người. => “Trở về” là nhan đề gợi mở, chứa đựng nhiều tầng nghĩa sâu sắc, là hành trình trở về bến cảng đồng thời cũng là hành trình trở về với bản thân, với giá trị cốt lõi của cuộc sống => Lời nhắn nhủ về ý nghĩa của hành trình chinh phục ước mơ của con người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản

a. Mục tiêu:

- Hs biết đọc văn bản theo chỉ dẫn ở Sgk.
- Nắm được một số thông tin cơ bản về tác giả O – nít Hê – minh – uê.
- Nắm được nội dung chính của tiểu thuyết và vị trí của đoạn trích “Trở về”.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - GV yêu cầu hs chuẩn bị bài ở nhà: + Đọc kiến thức sgk Tr 100 – 101. + xem video về cuộc đời và sự nghiệp của Hê – minh – uê. https://www.youtube.com/watch?v=tPpP15eoEaQ + Nhận biết nhanh những kiến thức: Tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích.... 2. Tác giả: - Tên đầy đủ, năm sinh năm mất. - Tác phẩm chính? - Nét chính về cuộc đời, sự nghiệp văn học... 3. Tác phẩm - Năm sáng tác? - Tóm tắt tác phẩm? - Vị trí, bố cục và mối liên hệ giữa các phần trong đoạn trích? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs tham khảo sgk, thông tin có được từ video cuộc đời sự nghiệp của Hê – minh – uê để thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. - GV gọi 1-2 hs trình bày sản phẩm. - GV tổ chức cho hs góp ý, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của học sinh.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Ô - nít Hê - minh -uê (1899 -1961) - Nhà văn hiện đại Mỹ ↓ ↓ 2. Văn bản a. Tác phẩm: Ông già và biển cả (hs tìm hiểu trong sgk) b. Đoạn trích: Trở về * Vị trí đoạn trích: - Nằm ở phần cuối của tiểu thuyết <i>Ông già và biển cả</i>. * Bố cục, mối liên hệ giữa các phần trong văn bản. - Bố cục: 3 phần Phần 1: từ đầu => Cánh tay già nua của ông lão. - Nd: Miêu tả cảnh ông lão Santiago trở về sau một hành trình đánh bắt cá dài ngày đầy gian nan. ↓ Phần 2: Tiếp => Những con cá nhỏ. - Nd: + Ông lão nằm ngủ và mơ về con cá lớn, về quá khứ huy hoàng. + Cậu bé Ma – nô – lín đến thăm ông lão với sự quan tâm, lo lắng. + Hai người trò chuyện về chuyến đi săn cá và tương lai.
--	---

- Tác
Giã
(194

- Cu
hệ
- CH

Phần 3: Còn lại

- Nd: Ông lão nhìn ra biển cả, ngắm nhìn

	mặt trời mọc và những con cá nhỏ lượn lờ xung quanh thuyền. - Mối liên hệ: + Các phần có mối liên hệ với nhau chặt chẽ tạo nên câu chuyện hoàn chỉnh về hành trình trở về của ông lão Santiago. + Góp phần thể hiện đầy đủ, rõ ràng chủ đề, ý nghĩa của tác phẩm.
--	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết đọc văn bản theo chỉ dẫn ở sgk.
- Nhận biết và phân tích được giá trị nội dung của văn bản “Trở về”
- Nắm bắt được diễn biến tâm lý nhân vật và các yếu tố nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên (*làm việc nhóm hoặc cá nhân*)
- GV hướng dẫn học sinh cách thực hiện và trình bày.

c. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu Hành động khóc của Ma – nô – lin và cuộc đối thoại giữa Ma-nô-lin và Santiago. B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (3-4 hs), thực hiện các nhiệm vụ được giao tại phiếu học tập số 1. - Nđ phiếu học tập: Tìm hiểu Hành động khóc của Ma – nô – lin và cuộc đối thoại giữa Ma-nô-lin và Santiago. + Hành động khóc của Ma – nô – lin (<i>Ma – nô – lin khóc mấy lần? hành động khóc thể hiện tình cảm thái độ gì của cậu bé dành cho Santiago?</i>) + Cuộc đối thoại giữa Ma-nô-lin và Santiago (<i>nội dung đối thoại? hình thức? tình cảm gì được bộc lộ thông qua cuộc đối thoại?</i>) B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm nhỏ HS đọc sgk tìm thông tin để thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận - Báo cáo kết quả học tập tại lớp.	II. Khám phá văn bản 1. Hành động khóc của Ma – nô – lin và cuộc đối thoại giữa Ma-nô-lin và Santiago. a. Hành động khóc của Ma – nô – lin - Ma – nô – lin khóc 2 lần. + Lần 1: Nhìn thấy Santiago trở về trong tình trạng kiệt sức, mệt mỏi => khóc vì thương và lo lắng cho sức khỏe của ông lão. + Lần 2: Khi nghe Santiago kể về con cá kiếm khổng lồ mà ông lão bắt được => Khóc vì xúc động, khâm phục ý chí, lòng dũng cảm của ông lão. - Ý nghĩa hành động khóc: + Thể hiện lòng thương cảm của Ma – nô – lin dành cho ông lão Santiago: + Thương ông lão ở trong tình trạng kiệt sức, mệt mỏi sau nhiều ngày lênh đênh trên biển. + Thương cho sự cô đơn lạc lõng của ông lão khi không ai tin lời ông về con cá kiếm khổng lồ. - Bộc lộ sự xúc động của Ma – nô – lin đối với ông lão Santiago: + Xúc động trước câu chuyện về chiến công của ông lão. + Khâm phục lòng dũng cảm và chiến thắng
--	--

- GV gọi 1-2 nhóm đại diện trình bày sản phẩm. - GV tổ chức cho các nhóm còn lại góp ý, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của học sinh.	phi thường của ông lão trước thiên nhiên, bản thân. b. Cuộc đối thoại giữa Ma-nô-lin và Santiago. - Nội dung đối thoại: <table border="1" data-bbox="911 348 1573 1236"> <tr> <th>Ma - nô - lin</th><th>Santiago</th></tr> <tr> <td> - Quan tâm đến sức khỏe, tinh thần của ông lão sau chuyến đi dài ngày. - Lo lắng khi nhìn thấy ông lão mệt mỏi. - Tin tưởng vào câu chuyện của ông lão về con cá kiếm khổng lồ. - Bày tỏ sự khâm phục lòng dũng cảm, ý chí và nghị lực của ông lão. - Muốn học hỏi kinh nghiệm của ông lão, muốn được theo ông lão ra khơi và trở thành người ngư dân giỏi. </td><td> - Chia sẻ với Ma –nô – lin những kinh nghiệm quý giá về cuộc sống và nghề đánh bắt cá. - Độn viên cậu bé theo đuổi ước mơ và không bao giờ được bỏ cuộc. </td></tr> </table> - Hình thức: <table border="1" data-bbox="911 1276 1573 1728"> <tr> <th>Ma - nô - lin</th><th>Santiago</th></tr> <tr> <td> - Sử dụng ngôn ngữ đời thường, phù hợp với hoàn cảnh và trình độ của mỗi người. - Đối thoại tự nhiên, thể hiện sự tin tưởng, thoải mái giữa 2 nhân vật </td><td></td></tr> <tr> <td> - Cách xưng hô, lời nói thể hiện sự quan tâm, lo lắng cho ông lão </td><td> - Cách xưng hô, lời nói phù hợp với cách nói chuyện của ông và cháu. </td></tr> </table> - Quan hệ giữa 2 nhân vật: + Gắn bó như tình ông cháu. + Người thầy, người cha truyền nghề, truyền lửa – Người học trò, người con luôn kính trọng, yêu thương và quan tâm đến ông lão. + người bạn đồng hành, cùng chia sẻ	Ma - nô - lin	Santiago	- Quan tâm đến sức khỏe, tinh thần của ông lão sau chuyến đi dài ngày. - Lo lắng khi nhìn thấy ông lão mệt mỏi. - Tin tưởng vào câu chuyện của ông lão về con cá kiếm khổng lồ. - Bày tỏ sự khâm phục lòng dũng cảm, ý chí và nghị lực của ông lão. - Muốn học hỏi kinh nghiệm của ông lão, muốn được theo ông lão ra khơi và trở thành người ngư dân giỏi.	- Chia sẻ với Ma –nô – lin những kinh nghiệm quý giá về cuộc sống và nghề đánh bắt cá. - Độn viên cậu bé theo đuổi ước mơ và không bao giờ được bỏ cuộc.	Ma - nô - lin	Santiago	- Sử dụng ngôn ngữ đời thường, phù hợp với hoàn cảnh và trình độ của mỗi người. - Đối thoại tự nhiên, thể hiện sự tin tưởng, thoải mái giữa 2 nhân vật		- Cách xưng hô, lời nói thể hiện sự quan tâm, lo lắng cho ông lão	- Cách xưng hô, lời nói phù hợp với cách nói chuyện của ông và cháu.
Ma - nô - lin	Santiago										
- Quan tâm đến sức khỏe, tinh thần của ông lão sau chuyến đi dài ngày. - Lo lắng khi nhìn thấy ông lão mệt mỏi. - Tin tưởng vào câu chuyện của ông lão về con cá kiếm khổng lồ. - Bày tỏ sự khâm phục lòng dũng cảm, ý chí và nghị lực của ông lão. - Muốn học hỏi kinh nghiệm của ông lão, muốn được theo ông lão ra khơi và trở thành người ngư dân giỏi.	- Chia sẻ với Ma –nô – lin những kinh nghiệm quý giá về cuộc sống và nghề đánh bắt cá. - Độn viên cậu bé theo đuổi ước mơ và không bao giờ được bỏ cuộc.										
Ma - nô - lin	Santiago										
- Sử dụng ngôn ngữ đời thường, phù hợp với hoàn cảnh và trình độ của mỗi người. - Đối thoại tự nhiên, thể hiện sự tin tưởng, thoải mái giữa 2 nhân vật											
- Cách xưng hô, lời nói thể hiện sự quan tâm, lo lắng cho ông lão	- Cách xưng hô, lời nói phù hợp với cách nói chuyện của ông và cháu.										

niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống.

+ Tin tưởng, hỗ trợ nhau trên hành trình chinh phục ước mơ.

=> **Tóm lại:** Santiago là đại diện cho thế hệ cũ

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nhân vật Santiago. B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (3-4 hs), thực hiện các nhiệm vụ được giao tại phiếu học tập số 2 . - Nd phiếu học tập: Thảo luận và hoàn thành các nội dung Tìm hiểu nhân vật Santiago: + Không gian, thời gian ông lão đánh cá trở về. + Diễn biến tâm lí nhân vật Santiago B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm nhỏ. - GV theo dõi, hỗ trợ, tư vấn. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện nhóm lên trình bày (<i>GV gọi 2 – 3 nhóm trình bày</i>). - Lớp chú ý theo dõi, nhận xét bổ sung và hoàn thiện (<i>GV gọi 2 - 3 nhóm còn lại nhận xét</i>) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Giáo viên nhận xét đánh giá, bổ sung và hoàn thiện như phần dự kiến sản phẩm.	dày dặn kinh nghiệm và bản lĩnh. Ma – nô – lin đại diện cho thể hệ trẻ đầy nhiệt huyết và hoài bão. Cuộc đối thoại giữ 2 nhân vật thể hiện sự truyền nối kinh nghiệm, kiến thức và đam mê giữa các thế hệ. 2. Nhân vật Santiago a. Không gian và thời gian ông lão đánh cá trở về - Không gian: + Khi ông lão thông dong chiếc thuyền cập bến nhỏ thì đèn đóm ở Thê-rêch-xơ đã tắt hết. + Gió càng to, đang thổi mạnh + Bến cảng yên tĩnh, không một bóng người, chỉ có những con thuyền neo đậu im lìm. => Không gian tối tăm, tĩnh mịch, tẻ nhạt, vắng lặng mang đến cảm giác lạnh lẽo, khắc nghiệt, tô đậm sự cô đơn, mệt mỏi, lạc lõng của ông lão Santiago. - Thời gian: + Khi ông lão thông dong chiếc thuyền cập bến nhỏ thì đèn đóm ở Thê-rêch-xơ đã tắt hết. => Đêm khuya, thời điểm giao thoa giữa ngày và đêm, thời gian trôi chậm => sự mệt mỏi, kiệt sức của ông lão sau cuộc hành trình dài đánh bắt cá đầy gian nan. b. Diễn biến tâm lý của Santiago: - Mệt mỏi kiệt sức: + Trở về trong tình trạng kiệt sức, rã rời sau 84 ngày lênh đênh trên biển. + Cảm thấy đói khát không còn sức lực để đi lại. + Tinh thần uể oải chán nản vì không ai tin lời ông về con cá kiếm khổng lồ. - Cô đơn, lạc lõng: + Khi trở về không nhận được sự chào đón hay chia sẻ từ ai. + Chìm trong im lặng, cô đơn đối diện với sự thờ ơ và nghi ngờ của mọi người. + Hình ảnh: túp lều trống trải, cái bóng dài loằng ngoằng.... - Nhớ về quá khứ: + Mơ thấy đàn cá bơn béo ngậy, cùng những chiến thắng vang dội trên biển. - Hi vọng vào tương lai:
--	---

	+ Khi tỉnh dậy thấy Ma – nô – lin mang thức ăn
--	--

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu thái độ của mọi người trước thành quả lao động của Santiago B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (3-4 hs), thực hiện các nhiệm vụ được giao tại phiếu học tập số 3. - Nd phiếu học tập: Thảo luận và hoàn thành các nội dung Tìm hiểu thái độ của mọi người trước thành quả lao động của Santiago: + Ma – nô – lin. + Nhóm ngư dân. + Người chủ khách sạn. + Hai du khách. - So sánh? B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm nhỏ. - GV theo dõi, hỗ trợ, tư vấn. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện nhóm lên trình bày (<i>GV gọi 2 – 3 nhóm trình bày</i>). - Lớp chú ý theo dõi, nhận xét bổ sung và hoàn thiện (<i>GV gọi 2 - 3 nhóm còn lại nhận xét</i>) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Giáo viên nhận xét đánh giá, bổ sung và hoàn thiện như phần dự kiến sản phẩm.	đến thăm mình. + Cậu bé tin tưởng vào câu chuyện của ông, lo lắng và quan tâm đến ông. - Tin tưởng vào bản thân: + nhìn ra biển ngắm mặt trời mọc, những con cá nhỏ lượn quanh thuyền khiến Santiago cảm thấy tràn đầy sức sống. + Tin tưởng vào bản thân, khả năng của mình và quyết tâm tiếp tục ra khơi. => Tóm lại: Santiago là con người kiên cường bất khuất trước thử thách, có niềm tin vào cuộc sống và bản thân. Là biểu tượng cho tinh thần lạc quan, ý chí, nghị lực phi thường của con người trước thiên nhiên và cuộc sống xung quanh. 3. Thái độ của mọi người trước thành quả lao động của Santiago a. Thái độ của mọi người: - Ma – nô – lin: + Thán phục trước kích thước khổng lồ của bộ xương cá kiếm. + Tưởng tượng ra hình ảnh con cá khi còn sống và bày tỏ sự khâm phục đối với Santiago. + Nhận thức được sự vĩ đại của thiên nhiên và sức mạnh của con người. - Nhóm ngư dân: + Ngạc nhiên trước kích thước khổng lồ của bộ xương con cá kiếm. Họ chưa nhìn thấy con cá nào lớn như vậy, họ tin tưởng vào câu chuyện của Santiago. + Thán phục lòng dũng cảm và kỹ năng đánh bắt cá của Santiago, coi ông lão là huyền thoại trong làng chài. - Người chủ khách sạn: + Thờ ơ trước bộ xương cá kiếm, không tin vào câu chuyện của Santiago chỉ quan tâm đến việc kiếm tiền từ du khách. - Hai du khách: + Hiếu kỳ trước bộ xương cá kiếm, chụp ảnh quay phim và bàn tán về nó. + Hoài nghi câu chuyện của Santiago, cho rằng đây là trò lừa đảo để thu hút du khách. b. Nhận xét: - Ma- nô – lin và nhóm ngư dân tin vào câu chuyện của Santiago, thán phục ông lão. => đại
---	---

	diện cho những người có lòng tin, biết trân trọng giá trị tinh thần và những điều phi thường. - Chủ khách sạn và hai du khách thờ ơ, hoài nghi về câu chuyện => đại diện cho lối sống thực dụng, đề cao vật chất, thiếu niềm tin vào những điều phi thường. => Tóm lại: Thái độ của các nhân vật trước thành quả lao động của Santiago thể hiện quan điểm sống khác nhau => Tác giả thể hiện thông điệp về tầm quan trọng của lòng tin, ý chí và nghị lực của người trong cuộc sống.
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được giá trị, vai trò của đoạn kết truyện ngắn trong việc mở ra ý nghĩa và sự liên tưởng.
- Nhận biết được ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại có trong đoạn trích. Nhận xét được tác dụng của chúng trong việc thể hiện quan điểm nghệ thuật của tác giả.
- Biết cách trình bày vấn đề một cách rõ ràng, mạch lạc.

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

c. **Sản phẩm:** Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------	-------------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu: + Theo em, đoạn kết truyện có thể gợi mở những ý nghĩa liên tưởng gì? + Nhận xét ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: - Đại diện học sinh trình bày sản phẩm của mình, lớp theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có) - Gv lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.... B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV cho học sinh nhận xét. - GV chốt kiến thức như mục dự kiến sản phẩm.	III. Tổng kết 1. Ý nghĩa văn bản “Trở về” - Mở ra nhiều ý nghĩa liên tưởng sâu sắc, khơi gợi những suy ngẫm về cuộc sống, con người, giá trị của lòng tin, nghị lực + Vòng tuần hoàn của cuộc sống. + Sức mạnh ý chí, nghị lực + Tình yêu thương, sự gắn kết. + Niềm tin vào tương lai. - Mang đến nhiều bài học quý giá về cuộc sống: Bài học về lòng dũng cảm, ý chí phi thường, nghị lực kiên cường, niềm tin vào bản thân và tương lai đồng thời ca ngợi tình yêu thương và sự gắn kết giữa con người. => Tóm lại: Đoạn kết “Trở về” là phần quan trọng góp phần hoàn chỉnh nội dung và ý nghĩa của tác phẩm. Góp phần khơi gợi trong lòng người đọc những suy ngẫm về cuộc sống, con người, giá trị của lòng tin, nghị lực. 2. Nghệ thuật
---	---

	a. Ngôn ngữ kể chuyện: - Giản dị, mộc mạc phù hợp với hoàn cảnh và trình độ của các nhân vật. - Sử dụng nhiều chi tiết miêu tả, so sánh, ẩn dụ để khắc họa sinh động hình ảnh các nhân vật, cảnh vật và diễn biến tâm lý của nhân vật. - Ngôn ngữ kể chuyện ngắn gọn, dồn dập tạo nhịp điệu cho câu chuyện, thu hút người đọc. b. Ngôn ngữ đối thoại: - Sử dụng câu nói phù hợp với tính cách, hoàn cảnh của nhân vật. - Ngôn ngữ đối thoại góp phần bộc lộ rõ cảm xúc của các nhân vật. - Góp phần đẩy nhanh nhịp điệu câu chuyện, tạo sự lôi cuốn hấp dẫn người đọc. * Liên hệ nguyên lý Tầng băng trôi: - Ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích đều sử dụng ngôn ngữ hàm súc, ẩn ý, gợi mở nhiều tầng nghĩa cho người đọc. - Góp phần tạo chiều sâu cho tác phẩm, giúp người đọc suy ngẫm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. - Góp phần thể hiện rõ quan điểm nghệ thuật của tác giả: Chỉ miêu tả những chi tiết bề nổi, nội dung sâu xa là phần người đọc tự suy ngẫm. => Tóm lại: Ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại trong văn bản được sử dụng linh hoạt, hiệu quả góp phần thể hiện rõ nội dung, ý nghĩa của tác phẩm. Ngôn ngữ sử dụng phù hợp với nguyên lý tầng băng trôi tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm, giúp người đọc suy ngẫm về nhiều vấn đề trong cuộc sống.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1

TRỞ VỀ

(Trích: *Ông già và biển cả* - Ernest Hemingway)

Nội dung: Tìm hiểu Hành động khốc của Ma – nô – lin và cuộc đối thoại giữa Ma-nô-lin và Santiago.

Hành động khóc của Ma – nô – lin :

+ Số lần khóc (*Kèm dẫn chứng*):

.....

.....

.....

+ Ý nghĩa hành động khóc (*Bộc lộ tình cảm gì của Ma – nô – lin dành cho ông lão Santiago?*)

Cuộc đối thoại giữa Santiago và Ma – nô – lin:

+ Nội dung đối thoại:

+ Hình thức đối thoại

Phiếu học tập số 2

TRỞ VỀ

(Trích: *Ông già và biển cả* - Ernest Hemingway)

Nội dung: Tìm hiểu nhân vật Santiago.

Không gian, thời gian ông lão đánh cá trở về:

+ Không gian

+ Thời gian

+ Diễn biến tâm lý của Santiago (*Tìm dẫn chứng => dựa vào dẫn chứng đưa ra từ khóa biểu thị diễn biến tâm trạng nhân vật*)

Phiếu học tập số 3

TRỞ VỀ

(Trích: *Ông già và biển cả* - Ernest Hemingway)

NỘI DUNG: TÌM HIỂU THÁI ĐỘ CỦA MỌI NGƯỜI TRƯỚC THÀNH QUẢ LAO

Thái độ của mọi người trước thành quả lao động của Santiago

+ Ma – nô – lín:

.....

.....

.....

+ Nhóm ngư dân

.....

.....

.....

+ Người chủ khách sạn

.....

.....

.....

+ Hai du khách

.....

.....

.....

+ So sánh (*Thái độ của ai giống nhau? Khác nhau?*)

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn nghị luận
- Biết bày tỏ cảm nhận và nêu quan điểm của bản thân sau khi học xong văn bản “Trở về”

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu học sinh làm việc, trao đổi thảo luận tại lớp để lập dàn ý cho bài viết và về nhà hoàn thiện bài viết. Đề bài: Viết đoạn văn (<i>khoảng 150 –200 chữ</i>) chia sẻ cảm nhận của em sau khi học xong đoạn trích “ <i>Trở về</i> ”. B2. Thực hiện nhiệm vụ:	HS LUYỆN Ý CÁC Ý CHÍNH: - Xem lại thông điệp cuộc sống được rút ra từ kiến thức phần I. - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn. - Biết cách triển khai các ý của đoạn văn: + Mở đoạn: Giới thiệu được yêu cầu của đề bài. + Thân đoạn: Giới thiệu được vị trí, nội
---	---

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên. B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày sản phẩm, giáo viên và học sinh cả lớp lắng nghe, góp ý, bổ sung... B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá và chốt kiến thức dàn ý như phần dự kiến sản phẩm. - Yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết.	dung của văn bản “ <i>trở về</i> ”. Triển khai đoạn văn logic, hợp lý từ đó làm sáng tỏ nhận thức, cảm nhận của bản thân. Qua đó rút ra bài học cuộc sống từ quan điểm của tác giả trong văn bản “ <i>Trở về</i> ”. + Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân mà em rút ra được sau khi học văn bản.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Biết cách thể hiện quan điểm của bản thân trước một vấn đề trong cuộc sống.
- Biết vận dụng trải nghiệm thực tiễn của bản thân để lý giải, cắt nghĩa những vấn đề mang tính chất thực tiễn.

b. Nội dung:

- HS biết cách vận dụng kiến thức kĩ năng để liên hệ mở rộng.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh vấn đề: Chuyến đi của Santiago có phải là một chuyến đi thất bại hay không?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh trình bày sản phẩm (*ngay trong tiết học nếu còn thời gian, hoặc vào đầu tiết học sau*)
- GV lắng nghe, hỗ trợ tư vấn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV lắng nghe, nhận xét, chốt kiến thức.

- Dự kiến sản phẩm: Có thể nhìn nhận chuyến đi của Santiago theo 2 hướng:

* Chuyến đi thất bại (*về mặt vật chất*):

- 84 ngày lênh đênh trên biển, trải qua nhiều khó khăn, thử thách, có lúc còn tưởng như bỏ mạng trên biển.

- Ông lão bắt được con cá kiếm khổng lồ nhưng đến cuối cùng chỉ còn lại bộ xương.

- Ông lão trở về trong tình trạng kiệt sức, mệt mỏi, không thu được gì sau chuyến đi.

* Chuyến đi thành công (*về mặt tinh thần*):

- Ông lão chiến thắng bản thân, thiên nhiên và sự tuyệt vọng.

- Ông lão thể hiện lòng dũng cảm, ý chí phi thường, nghị lực kiên cường trong suốt hành trình.

- Ông lão nhận ra giá trị của cuộc sống, ý nghĩa của sự chiến đấu và tầm quan trọng của niềm tin.

4. Củng cố:

- GV tổng kết kiến thức tác giả, tác phẩm, vị trí văn bản, giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “*Trở về*”.

5. HDVN:

- GV yêu cầu học sinh hoàn thiện đoạn văn, hoàn thiện nhiệm vụ phân vận dụng (*Nếu chưa làm xong trên lớp*).
- Đọc tác phẩm: Hồn Trương Ba, da hàng thịt.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Cảm nhận, phân tích được đặc trưng thể loại kịch
- Nhận biết và phân tích được các giá trị nhận thức, giá trị giáo dục, thẩm mỹ trong tác phẩm.
- Xác định được ngôn ngữ kịch; xung đột, nhân vật trong kịch

2. Về năng lực:

- Phân tích được các yếu tố đặc trưng của kịch trong tác phẩm nhờ sự kiện và cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại,... qua văn bản **Hồn Trương Ba, da hàng thịt**.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được truyền tải trong văn bản **Hồn Trương Ba, da hàng thịt**.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh qua văn bản **Hồn Trương Ba, da hàng thịt**.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của mình về lựa chọn của bản thân nếu là nhân vật Hồn Trương Ba.

3. Về phẩm chất:

- Biết sống một cách tích cực, có trách nhiệm, trung thực với bản thân và với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập hai, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập,

2. Học liệu: video clip về vở kịch (<https://www.youtube.com/watch?v=K8OqodZA9F>), giấy A0, bút màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
- Huy động kiến thức, trải nghiệm của HS về vở kịch **Hồn Trương Ba, da hàng thịt** và thông tin về tác giả Loqu Quang Vũ; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung:

- HS xem video clip vở kịch **Hồn Trương Ba, da hàng thịt** và trả lời câu hỏi: Em thích nhân vật nào nhất trong trích đoạn vở kịch? Vì sao?
- HS vận dụng trải nghiệm văn học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: đoạn kịch của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: - GV giao nhiệm vụ học tập cho HS như mục <i>Nội dung</i>	GV cho HS tự phân vai đóng một phân đoạn ngắn của vở
--	--

GV gửi video clip và yêu cầu HS xem trước ở nhà, chia sẻ cảm nhận về nhân vật mình thích nhất. - Gv tổ chức thảo luận và kết luận. Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ. - Xem và so sánh giữa truyện cổ tích và vở kịch Hồn Trương Ba B3. Báo cáo thảo luận: - Nhận diện ban đầu sự khác nhau, ấn tượng về các nhân vật B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	kịch (cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt) và thực hiện câu hỏi nhỏ trên.
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp nhà viết kịch Lưu Quang Vũ
- Nét nổi bật ở kịch Lưu Quang Vũ, vị trí cống hiến của nhà viết kịch tài năng thế kỉ XX

b. Nội dung: Trước khi cho HS thực hiện các nhiệm vụ, GV tổ chức cho HS phân vai đọc văn bản. GV có thể đọc minh họa một đoạn để HS nắm được cách đọc, giọng điệu đọc. GV cùng với HS trả lời các câu hỏi ở chỉ dẫn và giải thích các chú thích trong bài để hiểu văn bản

c. Sản phẩm: phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - GV yêu cầu HS đọc thầm phần cước chú trong SGK, tr. 112 và nêu ngắn gọn thông tin về tác giả, tác phẩm. - GV yêu cầu HS đọc phân vai 1 đoạn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và xác hàng thịt, lưu ý phần chú thích những từ ngữ khó trong SGK. 2. Tác giả - Chú ý nét nổi bật trong cuộc đời của tác giả? - Đóng góp nổi bật nhất trong VHHD VN là gì? 3. Tác phẩm - Sự sáng tạo của tác giả so với truyện cổ Hồn Trương Ba là gì? - Tóm tắt nội dung vở kịch? - Vị trí đoạn trích SGK? - Xác định cao trào của đoạn trích là gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời, chỉnh sửa góp ý	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Lưu Quang Vũ (1948-1988) . - Một tài năng đa dạng: Thơ, văn xuôi, hội họa, kịch - Kịch là đóng góp đặc sắc nhất của ông. - Nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại 2. Văn bản - Thể loại kịch – Từ một truyện cổ dân gian cùng tên Lưu Quang Vũ đã hư cấu, sáng tạo thành một vở kịch nói hiện đại; đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng triết lí và nhân văn sâu sắc - Tóm tắt (SGK) - Đoạn trích: + Cảnh VII và đoạn kết của vở kịch + Phân cao trào- mở nút
--	---

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá hiệu quả thảo luận của HS	
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Phân tích được các yếu tố đặc trưng của kịch trong tác phẩm nhờ sự kiện và cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại... qua văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, toạ toạ, thông điệp được truyền tải trong văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

b. **Nội dung:** HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập nhóm.
- Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV tổ chức thảo luận và kết luận.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm			
Nhiệm vụ 1: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv giao phiếu học tập (như bên) - Gv hướng dẫn HS xác định các lớp kịch hồi VII - Một số câu hỏi gợi dẫn thảo luận nhóm. + Xác định sự kiện chính trong các lớp kịch? + Diễn biến tâm trạng Hồn Trương Ba diễn biến ra sao qua các lớp kịch? + Qua các lớp xung đột kịch, ý nghĩa thông điệp gì được gửi gắm? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	II. Khám phá văn bản 1. Các lớp kịch trong đoạn trích a. Đối thoại giữa Hồn Trương Ba và da hàng thịt			
	Lớp kịch	Sự kiện chính trong lớp kịch	Diễn biến tâm trạng Hồn Trương Ba	Ý nghĩa, thông điệp
	Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và da hàng thịt	- Nghịch cảnh: linh hồn nhân hậu, trong sạch phải trú nhờ trong một thân xác thô phàm - Hồn T. Ba: + Bị xác thịt thô phàm điều khiển, lấn át, dần dần bị tha hóa	- Ý thức sâu sắc về sự tha hóa; dần vật đau khổ, tìm cách thoát khỏi xác thịt để tồn tại độc lập - Khinh bỉ, mỉa mai lí lẽ tiện của xác hàng thịt nhưng rồi	- Trương Ba được trả lại sự sống nhưng đó là một cuộc sống đáng hổ thẹn, vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hóa - Khi con

HS thảo luận 3 nhóm với 3 lớp kịch Nhóm 1: Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt Nhóm 2: Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và những người thân Nhóm 3: Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích Bước 3. Báo cáo thảo luận Các nhóm trình bày, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để tìm các sự kiện và diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba trong từng lớp kịch và điền vào giấy A0 hoặc file word để trình chiếu hay viết lên bảng (tùy vào điều kiện dạy học). GV chọn một nhóm HS trình bày, khuyến khích HS nhận xét. GV kết luận như mục <i>Sản phẩm</i>. Ở nhiệm vụ 1, GV hỏi thêm: “Các sự kiện trong câu chuyện được triển khai theo quan hệ nào?”. Gọi ý trả lời: “Các sự kiện được triển khai theo quan hệ tăng tiến, mức độ ngày càng gay gắt, xung đột đẩy lên cao hơn. Càng về cuộc đối thoại sau, Hồn Trương Ba càng cảm thấy đau khổ và đi đến quyết định cuối cùng ở cuộc nói chuyện với Đế		+ Mang sức mạnh âm u đến tối - Xác hàng thịt: + Không chế, ve vãn, kêu gọi hồn Trương Ba thỏa hiệp bằng những lí lẽ ti tiện (SGK 145) + Khẳng định sự thắng thế của mình <i>"chẳng còn cách nào khác nữa đâu- cả hai đã hòa làm một rồi"</i> + Khuyến Hồn Trương Ba sống hòa hợp với thể xác.	ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình và phải nhập vào xác hàng thịt một cách tuyệt vọng	người phải sống trong dung tục thì tất yếu cái dung tục ấy sẽ ngự trị, thắng thế và sẽ tàn phá những gì trong sạch cao quý của con người
b. Đối thoại giữa Hồn Trương Ba và những người thân				
Lớp kịch	Sự kiện chính trong lớp kịch	Diễn biến tâm trạng Hồn Trương Ba	Ý nghĩa, Thông điệp	
Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và những người thân	- Vợ: đau khổ, giàu lòng vị tha nhưng quyết định sẽ bỏ đi	Trương Ba đau khổ vô cùng	- Tình huống bị kịch thúc đẩy hồn Trương Ba phải lựa chọn với sự phản kháng mãnh liệt	
	- Cháu Gái: phản ứng dữ dội quyết liệt, không chấp nhận sự tồn tại	Đau khổ, bế tắc		

Thích”.				
---------	--	--	--	--

Với vấn đề nhận xét, HS được yêu cầu làm việc theo cặp. GV gọi 1 – 2 HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung. GV kết luận như mục <i>Sản phẩm</i>. GV hỏi thêm: “Nếu những yếu tố cần chú ý khi phân tích thể loại kịch”. GV định hướng trả lời: “Các yếu tố cần lưu ý khi phân tích thể loại kịch là phản ánh thực tế bằng hình tượng, đặc trưng bởi các sự kiện, xung đột, ngôn ngữ kịch (đối thoại, độc thoại), hành động”.		của Trương Ba. Đứa cháu căm ghét và xua đuổi ông		"chẳng còn cách nào khác...", Không cần đến cái đời sống do mày mang lại. Không cần".
		- Con dâu: thương cảm cho hoàn cảnh trớ trêu của bố chồng nhưng cũng thú nhận ông đã không còn là Trương Ba ngày xưa	Vô cùng đau khổ	- Con người phải đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách.

c. Đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích

Lớp kịch	Sự kiện chính trong lớp kịch	Diễn biến tâm trạng Hồn Trương Ba	Ý nghĩa, Thông điệp
Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích	- Hồn Trương Ba: + Không chấp nhận kiểu sống " bên trong một đẳng, bên ngoài một nẻo" muốn được là chính mình một cách trọn vẹn + Chỉ ra sai	Kiên quyết từ chối việc nhập vào xác cu Tị, vì đó cũng là một nghịch cảnh khác, cuộc sống đó " còn khổ hơn cái chết"	- Đế Thích: cái nhìn hời hợt, phiến diện về con người - Trương Ba: ý thức sâu sắc về ý nghĩa của sự sống: Sống thực

		lầm của Đế Thích " Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết" - Đế Thích: + Ngạc nhiên vì những yêu cầu của Trương Ba + Khuyên Trương Ba nên chấp nhận hoàn cảnh vì "thế giới vốn không toàn vẹn" + Sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba nhập vào xác cụ Tị nhưng bị từ chối vì Trương Ba sẽ trở nên "bơ vơ, lạc lõng, thảm hại..." + Chấp nhận yêu cầu của Trương Ba với thắc mắc: "Con người hạ giới các ông thật kì lạ"		cho ra một con người không phải là điều đơn giản- Hồn và Xác phải hài hòa, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phạm tục tội lỗi
Nhiệm vụ 2: Mâu thuẫn				

	Nhận xét: Các sự kiện được triển khai theo quan hệ tăng tiến. Sự sắp đặt các sự kiện theo quan hệ tăng tiến đã tạo nên kịch tính và làm nổi bật xung đột chính trong tác phẩm: xung đột giữa linh hồn cao khiết của Hồn Trương Ba và thân xác phàm tục, thô lậu của hàng thịt.)		
	2. Mâu thuẫn và xung đột kịch.		
	Lớp kịch	Mâu thuẫn, xung	Mâu thuẫn, xung

xung đột kịch.		đột	đột bao trùm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Gv phát phiếu HT số 3 - Các nhóm thực hiện thảo luận (10 phút) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Hs thực hiện nhiệm vụ theo định hướng - Gv gợi dẫn: chú ý đằng sau các mâu thuẫn thì lúc này có sự hiện diện của xác không? Bước 3. Báo cáo thảo luận Các nhóm trình bày, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá. Nhiệm vụ 3: Tâm trạng hồn Trương Ba trong việc đối thoại với xác hàng thịt. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát vấn cho hs làm việc cá nhân phân tích tâm trạng hồn Trương Ba	Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và da hàng thịt	-Mâu thuẫn gay gắt: Hồn>< Xác +Hồn: bảo vệ. Khẳng định sự độc lập, thanh cao +Xác: ra sức thuyết phục, thao túng tâm lí Hồn	- Mâu thuẫn giữa Hồn và Xác tuy cách thể hiện mâu thuẫn ở các lớp là khác nhau: khi trực tiếp, lúc gián tiếp – <i>Bi kịch của con người được Lưu Quang Vũ làm nổi bật: xung đột giữa con người bên trong và con người bên ngoài, giữa nội dung và hình thức, giữa sự trong sạch và những ham muốn phàm tục, tâm thường, giữa phần con và phần người, giữa hoàn cảnh và con người. Đó chính là bi kịch không được là chính mình, bị tha hoá trước hoàn cảnh</i>
	Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và những người thân	-Mâu thuẫn giữa Hồn T. Ba và người thân +Người thân: chối từ con người xa lạ của Trương Ba ⇒ Xác khẳng định sự lấn át	
	Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích	-Mâu thuẫn giữa ý định của Hồn Trương Ba và ý định của Đế Thích => Xác khẳng định sự lấn át	

trong việc đối thoại với xác hàng thịt.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo định hướng
- Gv gợi dẫn: để HS tìm hiểu tâm trạng Hồn Trương Ba
- + Trong đoạn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng

3. Tâm trạng Hồn Trương Ba

- Lời thoại:

+ Đối thoại: “*Ta...ta...đã bảo mày im đi*”, “*Không. Ta vẫn có một đời sống riêng*”...: khẳng định yếu ớt, bất lực trước sự thắng thế của xác

+ Độc thoại: “*Tôi không muốn sống như thế này mãi*”...: sự chán ghét, bất mãn

- Hành động: *ngĩ ngợi, thần thờ, ngồi xuống, tay ôm đầu, ...*

- Ngôn ngữ:

+ Thể hiện cảm xúc, tình cảm trực tiếp

+ *Sử dụng nhiều câu rút gọn (Đừng vờ!; Sao thế?; Trời, hay là;...).*

+ **Các chỉ dẫn sân khấu:** có tác dụng thể hiện hành động của nhân vật, hướng dẫn cho diễn viên khi diễn tả lại vở kịch. Qua đó, độc giả thấy được tâm trạng, hành động của các nhân vật kịch

- Diễn biến tâm trạng:

+ *Lớp kịch Đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng*

thịt diễn biến tâm trạng của Hồn được thể hiện qua các phương diện nào?

+ So sánh với các thể loại tự sự khác để thấy sự khác biệt?

+ Từ diễn biến tâm trạng của Hồn Trương Ba em có nhận xét gì về đặc điểm, tính cách của nhân vật?

Bước 3. Báo cáo thảo luận

HS làm việc cá nhân suy nghx trả lời.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Nhiệm vụ 4:

Chủ đề và tọng tọng thông điệp của văn bản

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Đọc văn bản đoạn kết và suy ngẫm, GV phát vấn HS có thể làm nhóm và cùng suy ngẫm theo kĩ thuật **KHẪN TRẢ BÀN**: Hãy nêu chủ đề và đánh giá tư tưởng của tác phẩm.

Gv gợi ý:

-Việc hồn Trương Ba chấp nhận cái chết là quyết định như thế nào?

- Sự hóa thân vào cây cỏ, các sự vật đã thể hiện quy luật gì của cuộc sống?

Thời gian: 10ph

Chia sẻ: 10ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản đoạn kết

- HS suy ngẫm các câu hỏi gợi dẫn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Đánh giá kết quả

thịt: Lo lắng- ngập ngừng- lúng túng, hoang mang tuyệt vọng

+ *Lớp kịch Đối thoại giữa Hồn Trương Ba và người thân*:

Đau khổ- Đau khổ hơn- Đau khổ tột độ

+ *Lớp kịch Đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích*: Kiên quyết chối từ

=> Từ đó, làm nổi bật tính cách của Hồn Trương Ba: thẳng thắn, chính trực. Tính cách này đối lập với sự thô tục, nóng nảy của Xác Hàng Thịt.

4. Chủ đề, tọng tọng, thông điệp của văn bản

a. Màn kết

- Trương Ba trả xác cho anh hàng thịt; chấp nhận cái chết.

- Hóa thân vào cây cỏ, các sự vật thân thương để tồn tại vĩnh viễn bên cạnh những người thân yêu với niềm tin cuộc sống vẫn tuần hoàn theo quy luật của muôn đời.

b. Ý nghĩa

- **Chúng ta chỉ hạnh phúc thực sự khi là chính mình.**

- **Không nên sống theo ý muốn của người khác vì nhọc vậy sẽ không thể là chính mình.**

- Bị kịch mang âm hưởng lạc quan; thông điệp về sự chiến thắng của cái Thiện- cái Đẹp- của cuộc sống đích thực.

nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

PHT1.

1	Tác giả Lưu Quang Vũ	- Những nét chính về cuộc đời: - Đặc điểm kịch: - Vị trí, cống hiến VHHDVN
2	Tác phẩm Hồn Trương Ba, da hàng thịt	- Xuất xứ: - Tên gọi: - Vị trí đoạn trích:

PHT2.

Lớp p kịch h	Sự kiện chính trong lớp kịch	Diễn biến tâm trạng Hồn Trương Ba	Ý nghĩa, Thông điệp

PHT3.

Lớp kịch	Mâu thuẫn, xung đột	Mâu thuẫn, xung đột bao trùm
Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và da hàng thịt		
Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và những người thân		
Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích	-	

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Nắm được cống hiến của tác giả trong thể loại kịch hiện đại
- Rút ra thông điệp nhân văn từ vở kịch
- Biết phân tích, đánh giá đặc điểm của thể loại

b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

c. **Sản phẩm:** Phiếu học tập, Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	III. Tổng kết

Hoàn thành phiếu học tập		1. Chủ đề: Từ một truyện cổ dân gian Lưu Quang Vũ đã đưa ra một quan niệm cao đẹp về cách sống: <i>Hãy sống chân thật với chính mình, phải biết đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân</i>
Chủ đề - Sự kế thừa cốt truyện dân gian? - Sáng tạo của Lưu Quang Vũ - Thông điệp?	Nghệ thuật - Phương thức biểu đạt? - Thể loại kịch? - Đặc trưng: ngôn ngữ, xung đột...	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc theo nhóm đôi - Đại diện báo cáo kết quả	<i>cách và vươn tới nhưng giá trị tinh thần cao quý.</i> 2. Nghệ thuật - Xung đột giàu kịch tính - Ngôn ngữ đặc trưng cho ngôn ngữ kịch - Sự kết hợp tính hiện đại với các giá trị truyền thống - Chất thơ chất trữ tình bay bổng
Bước 3. Báo cáo thảo luận: Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá kết quả Hs đạt được Ở nhiệm vụ 3, GV nhấn mạnh về sự khác biệt của ngôn ngữ kịch với các thể loại khác. Nếu như ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, cảm xúc, ngôn ngữ truyện ngắn, tiểu thuyết giàu ẩn ý, sử dụng những biểu tượng, hình ảnh thì ngôn ngữ kịch thường là ngôn ngữ nói. Dẫn ra một vài lời ngôn ngữ trong vở kịch để chứng minh	

PHIẾU HỌC TẬP

PHT4.

Chủ đề	Nghệ thuật
- Sự kế thừa cốt truyện dân gian? - Sáng tạo của Lưu Quang Vũ - Thông điệp?	- Phương thức biểu đạt? - Thể loại kịch? - Đặc trưng: ngôn ngữ, xung đột...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

b. **Nội dung:**

Câu 1. Lớp kịch cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác Hàng Thịt cho thấy điều gì về các mặt xung đột trong mỗi con người? Em cảm nhận thế nào về ý nghĩa triết lí của lớp kịch này?

Câu 2. Trong đoạn trích, Hồn Trương Ba cho rằng thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết, nhưng Xác Hàng Thịt lại cho rằng thể xác có sức mạnh ghê gớm, lắm khi lấn át cả linh hồn. Trình bày ý kiến của em về các quan điểm đó

c. **Sản phẩm:** Bài tập, câu trả lời của Hs.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chuyển giao nhiệm vụ như phần Nội dung với 2 câu hỏi trên Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm lớn hoặc cặp đôi để hoàn thành Bước 3. Báo cáo thảo luận Hs trình bày quan điểm, nhóm bổ	Câu 1. – <i>Lớp kịch này đã cho thấy xung đột giữa các mặt trong một con người: thể xác thì phàm tục, còn linh hồn thì lại thanh cao; thể xác thì lươn lẹo, còn linh hồn thì ngay thẳng. Đó là sự xung đột giữa cái bên trong và cái bên ngoài, giữa nội dung và hình thức, giữa con người và hoàn cảnh.</i> – Ý nghĩa triết lí của lớp kịch: Con người chỉ thật sự hạnh phúc khi được là chính mình, thống nhất hài hoà
--	---

sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá kết quả	<i>giữa cái bên trong và cái bên ngoài, nội dung và hình thức.</i> Câu 2. <i>Câu trả lời của HS.</i>
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh viết được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản
- **Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của mình về lựa chọn của bản thân nếu là nhân vật Hồn Trơng Ba.**

b. **Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống

c. **Sản phẩm:** Phiếu học tập, tranh HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu Hs hoàn thành phiếu học tập cá nhân có sẵn Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ Thời gian thực hiện 15 phút B3. Báo cáo thảo luận Hs trình bày sản phẩm của mình Các bạn nhận xét, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá, định hướng Hs vẽ tranh về cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và da hàng thịt	Đoạn văn của HS Đoạn văn mẫu: <i>Tôi rất tâm đắc với câu danh ngôn “Con người không nên sợ hãi cái chết, mà nên sợ hãi mình chưa bao giờ bắt đầu sống”. Quyết định về lựa chọn cuộc sống từ bỏ thân xác và trở về cõi chết của Trương Ba là một quyết định dũng cảm và đầy trách nhiệm. Một quyết định phản ánh sự bất hòa, mâu thuẫn giữa hồn và xác. Sự chán nản, tuyệt vọng của hồn Trương Ba vì không thể sống đúng với bản thân, với giá trị tinh thần bị mất đi trước sự tha hóa của thể xác. Tuy nhiên, tôi tin rằng con người là một thể thống nhất, bao gồm cả hồn và xác. Hai yếu tố này có khác biệt nhưng lại hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Thể xác là ngôi nhà của linh hồn, cho phép con người tương tác với thế giới bên ngoài. Linh hồn là bản chất, quyết định giá trị và phẩm chất của mỗi người. Thay vì từ bỏ thể xác, tôi sẽ tìm cách hòa hợp, để hồn và xác cùng tồn tại một cách hài hòa. Tôi sẽ rèn luyện ý chí, bản lĩnh để không bị đánh mất bởi cám dỗ vật chất và sử dụng trí tuệ, tâm hồn để bồi dưỡng thể xác, làm cho nó trở nên đẹp đẽ, cao quý hơn. Tôi tin rằng con người có thể sống hạnh phúc ngay cả khi đối mặt với khó khăn, thử thách, với ý chí kiên định, tâm hồn cao đẹp và niềm tin vào cuộc sống.</i> Tranh vẽ của HS.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

PHT5.

PHIẾU HỌC TẬP Văn bản: Hồn Trương Ba, da hàng thịt
--

Tên:.....

Nhóm:.....Lớp:.....

Nếu em là Hồn Trương Ba trong đoạn kịch, em có lựa chọn giống nhọt nhân vật hay không? Vì sao? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) hoặc vẽ một bức tranh kèm lời minh họa trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này. (Gợi ý: Đưa ra lựa chọn theo quan điểm của bản thân nhưng cần gắn kết với triết lí sống trong sạch, thanh cao, là chính mình của nhân vật Hồn Trương Ba.) Bài làm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Tìm đọc/ xem toàn bộ vở kịch
- Tóm tắt nội dung vở kịch bằng một trong các cách: dùng lời văn, dùng tranh vẽ, dùng sơ đồ
- Tìm đọc các vở kịch khác cùng đề tài
- Chuẩn bị bài học tiếp theo: Phần Thực hành Tiếng Việt.

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 98

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ: tuân thủ chuẩn tiếng Việt đồng thời biết sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của tiếng Việt.

- Biết vận dụng kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ.

2. Về năng lực:

Trình bày được các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ: tuân thủ chuẩn tiếng Việt đồng thời biết sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của tiếng Việt.

3. Về phẩm chất:

Biết vận dụng kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung:** Cho học sinh xem ví dụ về lỗi sai khi sử dụng tiếng Việt.

c. **Sản phẩm:** Học sinh xác định được lỗi sai trong đoạn hội thoại.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu hình ảnh một đoạn tin nhắn trong đó 2 nhân vật ghi sai chính tả, sử dụng các từ “lóng” lên màn hình tivi (máy chiếu). Yêu cầu học sinh nhận xét về cách dùng từ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Trong đoạn tin nhắn trên, hai nhân vật cố tình ghi sai chính tả tiếng Việt trong giao tiếp trên mạng xã hội, gây biến dạng lớp	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS
--	---

vỏ từ ngữ. Điển hình như một số từ: “Bùn” (buồn), “Lun” (luôn), “Ná” (nhá), “mih” (mình), “Xynh” (xinh), “Iu” (yêu), “We” (quê)... GV dẫn vào bài: Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dụng tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT VỀ VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

a. **Mục tiêu:** Trình bày được các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ: tuân thủ chuẩn tiếng Việt đồng thời biết sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của tiếng Việt.

b. **Nội dung:**

Bài tập 1. Đọc nội dung *Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt* (SGK *Ngữ văn 12*, tập hai, tr. 114 - 115) và cho biết những yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt và cách thức để phát triển vốn từ tiếng Việt.

Bài tập 2 (Bài tập 1, SGK *Ngữ văn 12*, tập hai, tr. 114)

Bài tập 3 (SGK *Ngữ văn 12*, tập hai, tr. 114 - 115)

c. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu mỗi HS đọc nội dung thuyết minh ngắn về vấn	- Ngôn ngữ được hình thành do quy ước. Quy ước trong ngôn ngữ dần trở thành những quy định nghiêm ngặt được coi là chuẩn ở các phương diện như: ngữ âm,

đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt ở phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và ở khung bên phải phần <i>Thực hành tiếng Việt</i> của bài học. Và trả lời các câu hỏi: <i>Chuẩn ngôn ngữ là gì? Vì sao người sử dụng ngôn ngữ cần phải tuân thủ chuẩn ngôn ngữ? Những biểu hiện vi phạm chuẩn ngôn ngữ nào thường gặp trong giao tiếp hằng ngày? Chuẩn ngôn ngữ có phải là những quy định bất biến hay không? Vì sao? Ngôn ngữ phát triển theo những cách thức cơ bản, phổ biến nào?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ	chính tả, ngữ pháp... - Tuân thủ chuẩn ngôn ngữ góp phần giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ. - Biểu hiện vi phạm chuẩn ngôn ngữ: + Viết sai chính tả + Lạm dụng từ mượn + Dùng câu sai ngữ pháp + Sử dụng các từ nước ngoài ... - Những quy định tạo nên chuẩn ngôn ngữ không phải là bất biến. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không phải chỉ giữ gìn những gì đã có mà còn cần sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới miễn sao phù hợp với quy định chung, giúp tiếng Việt biểu đạt ngày càng phong phú. - Ngôn ngữ phát triển theo những cách thức: + Kết hợp những từ mới trên yếu tố có sẵn.
---	--

HS đọc bài và trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận Học sinh trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt kiến thức	+ Vay mượn từ các ngôn ngữ khác.
---	----------------------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên: Chia lớp thành 3 nhóm. Câu hỏi cho từng nhóm trả lời: Nhóm 1: Câu 1 /tr114 Nhóm 2: Câu 2 /tr114 Nhóm 3: Câu 3 /tr115 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Thời gian: 7 phút Chia sẻ: 8 phút cho 4 nhóm Phản biện và trao đổi: 2 phút cho 1 nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức.	Câu 1: Dấu hiệu cho thấy người viết không tuân thủ chuẩn tiếng Việt: a. <i>“Tôi đã xem bộ phim đó rồi nhưng không thích lắm.”</i> "Rồi" là cách viết sai của "rôi". "Lắm" là cách viết sai của "lắm". b. <i>“Nhà trường quy định học sinh không được ghi các comment vào sách mượn của thư viện.”</i> "Comment" là từ tiếng Anh, nên thay thế bằng "bình luận" hoặc "ghi chú". <i>b. Do sự phát triển của trí tuệ nhân tạo khiến cho việc lựa chọn ngành nghề ngày nay có sự thay đổi mạnh mẽ và sâu sắc.</i> Câu trúc câu lủng củng, thiếu chủ ngữ cho vế sau ("khiến cho việc lựa chọn ngành nghề ngày nay có sự thay đổi mạnh mẽ và sâu sắc"). Câu 2: <i>Từ ngữ mới thể hiện sự phát triển của tiếng Việt:</i> a. Từ ngữ liên quan đến công nghệ và xã hội: Internet vạn vật (IoT) Trí tuệ nhân tạo (AI) Dữ liệu lớn (Big Data) Blockchain Fintech Nền tảng kinh tế chia sẻ Cư dân số Chính phủ số Xã hội thông minh Bền vững c. Từ ngữ thay thế cho từ ngữ tiếng Anh) Influencer (người ảnh hưởng) Startup (doanh nghiệp khởi nghiệp) Trending (xu hướng) Fake news (tin giả) Hackathon (cuộc thi lập trình) Webinar (hội thảo trực tuyến) Roadmap (lộ trình) Ecosystem (hệ sinh thái)
---	--

	Câu 3: a.- Từ “say” 1: trạng thái ngất, choáng váng do tác động của thuốc. -Từ “say” 2: trạng thái không tỉnh táo, choáng váng do tác động của trầu. -Từ “say” 3: trạng thái bị cuốn hút bởi đối phương, không để ý đến những điều xung quanh. Nghĩa có trước là nghĩa 1, 2, nghĩa có sau là nghĩa 3. b.- Từ “chữa cháy” 1: dập lửa trong đám cháy để ngăn hỏa hoạn. -Từ “chữa cháy” 2: giải quyết việc cấp bách, tạm thời để đối phó, chưa giải quyết được vấn đề một cách triệt để. Nghĩa có trước là nghĩa 1, nghĩa có sau là nghĩa 2.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ.

b. **Nội dung:**

Bài tập 4 (SGK *Ngữ văn 12*, tập hai, tr. 115)

Bài tập 5 (SGK *Ngữ văn 12*, tập hai, tr. 115)

c. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm: Nhóm 1,2: Làm bài tập số 4 Nhóm 3,4 làm bài tập số 5 B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận và trả lời B3. Báo cáo thảo luận Học sinh thảo luận và trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt kiến thức	Câu 4: 1. Các phép tu từ: - Điệp từ: "Ta muốn" được lặp lại 4 lần, thể hiện khát vọng mãnh liệt của tác giả. - Nhân hóa: "non nước, cây, cỏ rạng", "hỡi xuân hồng" - Ẩn dụ: "cắn vào ngươi" - So sánh: "cho chênh choáng mùi thơm", "cho đã đầy ánh sáng", "cho no nê thanh sắc" 2. Cách dùng từ ngữ: - Sử dụng nhiều từ ngữ gợi tả cảm giác: "thơm", "ánh sáng", "thanh sắc", "chênh choáng", "đã đầy", "no

	nê". - Sử dụng từ ngữ táo bạo: "cắn vào người". - Sử dụng nhiều động từ mạnh: "thâu", "cắn", "đã đẩy", "no nê". 3. Hiệu quả:
--	---

	- Thể hiện khát vọng sống mãnh liệt, muốn tận hưởng mọi vẻ đẹp của cuộc sống. - Thể hiện sự say mê, cuồng nhiệt trước cảnh vật thiên nhiên và tuổi trẻ. - Tạo nên một bức tranh ngôn ngữ đầy ấn tượng, sinh động. Câu 5: Cách diễn đạt "Tây" trong thơ Xuân Diệu: - Cách dùng từ ngữ: "thâu trong một cái hồn nhiều", "cho chênh choáng mùi thơm", "cho đã đầy ánh sáng", "cho no nê thanh sắc", "hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người". - Cách so sánh: "cho chênh choáng mùi thơm", "cho đã đầy ánh sáng", "cho no nê thanh sắc". - Cách sử dụng đại từ: "ta" Hiện nay: - Những cách diễn đạt này đã trở nên quen thuộc và được nhiều người sử dụng. - Nhờ có những cách diễn đạt "Tây" này mà thơ ca Việt Nam thêm phong phú và đa dạng. Nhận xét: - Việc sử dụng những cách diễn đạt "Tây" là một sáng tạo của Xuân Diệu, góp phần tạo nên phong cách thơ độc đáo của ông. - Những cách diễn đạt này thể hiện sự hòa nhập của văn hóa Việt Nam với văn hóa thế giới.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nêu quan điểm của bản thân về vấn đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
- Nội dung:** Tìm một số dẫn chứng cho thấy sự độc đáo trong cách sử dụng tiếng Việt của các nhà văn, nhà thơ mà em biết. Lý giải về sự độc đáo ấy.
- Sản phẩm:** Dẫn chứng HS tìm được và lý giải của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh tìm hiểu thêm một số các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp	GV linh hoạt vào bài chia sẻ của HS
--	-------------------------------------

tham khảo.	
------------	--

4. **Củng cố:** Học sinh nắm chắc nội dung bài học về việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

5. **HĐVN:** Chuẩn bị bài mới.

1.MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ %	Số câu	Tỉ lệ %	Số câu	Tỉ lệ %	
1	Đọc	Thơ hiện đại.	5	2	15 %	2	20%	1	5%	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học(thơ)	1	10%		5%		5%		20%
		Viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm	1	15%		5%		20%		40%
Tỉ lệ				40%		30%		30%		100
Tổng			7	100%						

2. BẢNG ĐẶC TẢ .

TT	Nội dung kiến thức/kĩ	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	

	năng						
I	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại.	Nhận biết: - Xác định nhân vật trữ tình. - Tìm từ ngữ, hình ảnh có trong văn bản. Thông hiểu: - Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Hiểu được nội dung, nghệ thuật trong văn bản... Vận dụng: - Rút ra được bài học, thông điệp cho bản thân. - Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.	2	2	1	40
II	LÀM VĂN	1. Viết đoạn nghị luận văn học (thơ)	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: Diễn giải về nội dung của vấn đề cần nghị luận. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc nội dung của đoạn thơ - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính				20

			trong bài viết; sáng tạo trong				
--	--	--	--------------------------------	--	--	--	--

			cách diễn đạt.				
		2. Viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm	Nhận biết: - Viết đúng thể thức thư trao đổi và đảm bảo bố cục của một văn bản nghị luận. - Xác định được đối tượng nhận thư - Xác định được nội dung trao đổi trong bức thư là công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm. Thông hiểu: - Hiểu được mục đích viết thư và vấn đề chính trình bày - Trình bày tường minh, có cách triển khai phù hợp với mục đích và đối tượng. - Thể hiện được cảm xúc, tình cảm phù hợp với đối tượng/mục đích đề cập trong thư Vận dụng: - Vận dụng ngôn ngữ, lời văn trang trọng hoặc thân mật - Vận dụng các yếu tố hỗ trợ Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để làm rõ vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				40
Tỉ lệ				40%	30%	30%	100%
Tổng				100%			

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận

2. Thời gian: 90 phút

3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

*** Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm):**

- **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại thơ hiện đại

- ***Yêu cầu:***

- + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ hiện đại ...
- + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
- + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm 2 câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

**** Phần II: Viết (6,0 điểm):***

1. Nghị luận văn học (2đ)

- *Về kiến thức:*

- + Kiến thức là một vb hồi kí không có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 12

- *Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:*

- + Kỹ năng viết một đoạn văn Dung lượng: 200 chữ

2. Nghị luận xã hội (4đ)

- *Về kiến thức:*

- + Kiến thức là một vấn đề xã hội không có trong chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 12.
- + Phạm vi: Văn viết thư

- *Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:*

- + Kỹ năng viết một bức thư
- + ***Dung lượng: 600 chữ***

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT THƯ

Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở đầu :	Nêu địa điểm, thời gian, danh tính người nhận thư; lời chào và nêu vấn đề cần trao đổi, bàn luận .
Nội dung thư:	Triển khai nội dung theo trình tự hợp lí: - Nêu quan điểm của người viết - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp tăng tính thuyết phục; sử dụng các yếu tố bổ trợ phù hợp - Phản biện quan điểm trái chiều ,mở rộng(nếu có)
Kết thư:	ái quát lại vấn đề cần trao; thể hiện thiện chí, mong muốn nhận được những ảnh hưởng từ người nhận thư; lời nhắn nhủ; lời chào tạm biệt và danh tính người viết thư.

III. ĐỀ

**THAM
KHẢO**

I. ĐỌC HIỂU (4 điểm)
Đọc văn bản sau:

DẤU LÀNG

Vũ Thị Huyền Trang¹

Dấu làng tôi nằm dưới gót chân cha

*nứt nẻ như ruộng đồng tháng hạn
đỏ quạch màu phèn chua
in vào đời những vết chân quanh co
thăng trầm như bản đồ làng nước
nên chẳng ai mất dấu
dấu một đời buôn chải bốn ba*

Dấu làng tôi nằm trên mỗi đường cày

*rộng rãi và thẳng thớm
tôi như hạt giống lớn lên trên đường cày đỏ
dấu bão giông cũng vẫn ngẩng đầu*

Dấu làng tôi nằm trong thổ ngữ bao đời

*cất giọng ở đâu là thấy quê ở đó
chẳng phải tại ăn sắn, ăn khoai mà ngọng
chẳng tại uống nước làng, cũng chẳng phải nắng sương*

Dấu làng tôi nằm trong khói rạ khói rơm

*con muôm muôm đậu cong lá lúa
chiều lững thững đàn bò no cỏ
đôi nói đôi ru ngủ những đàn chim...*

(http://vannghequandoi.com.vn/tho/tho-cua-vu-thi-huyen-trang_17800.html)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 2. Trong khổ thơ cuối, tác giả đã dùng những hình ảnh, từ ngữ nào để miêu tả cuộc sống làng quê?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong những dòng thơ in đậm.

Câu 4. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh *Dấu làng* trong văn bản.

Câu 5. Thông điệp có nghĩa được tác giả gửi gắm qua văn bản trên là gì?

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích những đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Dấu làng* ở phần đọc hiểu.

Câu 2. (4 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho bạn thân để trao đổi về cách vượt qua những khó khăn trong học tập.

TIẾT 100,101 KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

TIẾT 102.

TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn viết thư
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn viết thư
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.
- Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.
- Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã học
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra giữa kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

- a. **Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.
b. **Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.
c. **Sản phẩm học tập:** HS so sánh bài làm với đáp án.
d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV Cần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho HS nhắc lại yêu cầu chung của đoạn NLVH, bài văn viết thư Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	1. Đọc hiểu 2. Yêu cầu đối với đoạn NLVH ,bài văn viết thư

Hoạt động 2: Nhận xét oạ, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

- a. **Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:
b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
c. **Sản phẩm học tập:** H HS rút kinh nghiệm bài viết.
d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ	II. OẠ, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Oạ điểm:

	+ Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề.
--	---

đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	+ Trình bày khoa học. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài : * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm + Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, logic. - Lỗi văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. 3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài: - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, ... - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. III. Trả bài:
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. **Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- *GV yêu cầu HS:* Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn viết thư?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

PHẦN 3: VIẾT

Tiết 103,104 . VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được yêu cầu và các bước trong quy trình viết một bài văn nghị luận xã hội dưới hình thức một bài phát biểu.
- Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội dưới hình thức một bài phát biểu.

2. Về năng lực:

- Chọn được đề tài phù hợp với bài phát biểu, thể hiện được khả năng thu hút, sự quan tâm và thay đổi nhận thức, hành động của người đọc về một phong trào hoặc hoạt động xã hội, một vấn đề có ảnh hưởng đến đời sống.
- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thiện bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài.

3. **Về phẩm chất:** Biết cách quan tâm đến các hoạt động xã hội có quy mô, ảnh hưởng rộng lớn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Bảng, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, SGV Ngữ văn 12, kế hoạch bài dạy, giấy A0, sơ đồ về quy trình viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. **Kiểm tra bài cũ:** Không

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Huy động trải nghiệm của học sinh về 1 vấn đề xã hội.

b. **Nội dung:** Chia sẻ về một phong trào của nhà trường phát động mà em quan tâm.

c. **Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ cho hs chia sẻ về một phong trào của nhà trường phát động mà em quan tâm. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ, gv quan sát điều hành lớp. B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức cho báo cáo, thảo luận. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả học tập Gv tổ chức cho hs làm việc theo cặp, gọi 1-2 hs chia sẻ. Gv kết luận và dẫn dắt vào bài học.	HS trình bày trải nghiệm của mình.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu về mục tiêu, yêu cầu, nội dung của quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

a. **Mục tiêu:** Xác định được yêu cầu và các bước trong quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

b. **Nội dung:** Xác định được vấn đề, đề tài cần phát biểu, cách thức viết và trình bày để thu hút sự chú ý.

c. **Sản phẩm:** Hs chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ cho hs : Xác định được vấn đề, đề tài cần phát biểu, cách thức viết và trình bày để thu hút sự chú ý. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ, gv quan sát điều hành lớp. B3. Báo cáo thảo luận: Gv tổ chức cho hs làm việc theo cặp, gọi 1-2 hs chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, nhận xét.	Bài phát biểu trong lễ phát động sẽ có những yêu cầu sau: + Giới thiệu được phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết muốn hưởng ứng hoặc hoạt động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó, có cách mở đầu thu hút sự chú ý của người đọc. + Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục, giúp người tiếp nhận hiểu rõ lý do người viết hưởng ứng hoặc phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội. + Nêu được ý kiến trái chiều có thể có và sử dụng lí lẽ, bằng chứng phản bác để tăng tính thuyết phục cho văn bản. + Sử dụng hiệu quả các yếu tố thuyết minh và biểu cảm để tăng sức tác động của bài viết. + Có kết bài ấn tượng, thuyết phục người đọc thay đổi nhận thức và người đọc.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo:

a. **Mục tiêu:** HS nắm được mục đích, đối tượng, hệ thống luận điểm của bài viết.

b. **Nội dung:** Cách thức triển khai của bài viết tham khảo.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu hs đọc bài viết và trả lời câu hỏi trong SGK. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện B3. Báo cáo thảo luận: HS thực hiện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV	Tác giả viết bài này trong bối cảnh nào?	Tình trạng dịch bệnh HIV/AIDS đang hoành hành bất chấp các nỗ lực của Liên hợp quốc, nhiều quốc gia, công ti, nhóm xã hội trên toàn thế giới

	Bài viết kêu gọi điều gì và lời kêu gọi đó hướng đến đối tượng nào?	+ <i>Nội dung bài viết:</i> Có những nỗ lực to lớn để ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS + <i>Đối tượng kêu gọi:</i> Chính phủ các nước, các công ti, nhóm từ thiện, tổ chức phi chính phủ...
	+ Những luận điểm nào được tác giả triển khai để thuyết phục người tiếp nhận hưởng ứng cuộc chiến chống lại HIV/ AIDS? + Lí lẽ và bằng chứng dùng trong văn bản có gì đáng chú ý?	+ <i>Luận điểm được sử dụng:</i> # Ngân sách cho phòng chống HIV/AIDS tăng lên đáng kể. # HIV vẫn hoành hành, gây tỉ lệ tử vong cao và chưa có dấu hiệu suy giảm. + <i>Lí lẽ và bằng chứng dùng trong văn bản</i> được trích dẫn xác thực, con số cụ thể, kết hợp sử dụng yếu tố biểu cảm để tác động đến tình cảm, cảm xúc của người nhận.
	Ý kiến trái chiều nào được đề cập trong văn bản? Việc nêu ý kiến trái chiều có tác dụng gì?	+ <i>Ý kiến trái chiều:</i> Có người cho rằng thách thức cạnh tranh có ý nghĩa quan trọng và cấp bách hơn, chỉ cần giữ khoảng cách và tránh xa các bệnh nhân HIV là có thể an toàn. + <i>Việc nêu ý kiến trái chiều</i> để phản bác và tăng sức thuyết phục cho bài viết.
	Theo em, lời kêu gọi của tác giả có nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không và vì sao?	HS trả lời theo quan điểm của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

- Mục tiêu:** Huy động trải nghiệm của học sinh về 1 vấn đề xã hội, kỹ năng làm bài NLXH đã học ở các lớp dưới. Viết được 1 bài văn NLXH dưới hình thức 1 bài phát biểu.
- Nội dung:** Về một vấn đề xã hội mà nhiều người quan tâm/ trải nghiệm của hs về một vấn đề xã hội.
- Sản phẩm:** Bài viết của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

	Bước 3	Viết	- Có cách mở đầu thu hút sự chú ý của người đọc. - Chú ý điều tiết dung lượng, đảm bảo nội dung vừa đủ, phù hợp với thời gian để đọc trước công chúng hoặc duy trì sự hứng thú của người đọc. - Ngôn ngữ phù hợp với mục đích và đối tượng mà em muốn kêu gọi, dùng nhiều kiểu câu. - Có kết bài ấn tượng để người đọc không bị lãng quên.
	Bước 4	Chỉnh sửa, hoàn thiện	Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện. - Ý tưởng của HS được trình bày trên giấy, vở. - Chọn lựa đề tài (<i>Mạng xã hội tác động tiêu cực đến việc học tập/ Bao lực học đường ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tâm thần của trẻ vị thành niên/ Bảo vệ động vật hoang dã- trách nhiệm không của riêng ai...</i>)

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	+ Tìm ý, lập dàn ý cho đề tài đã chọn.

vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS : Từ đề tài đã chọn, hs tiến hành tìm ý, lập dàn ý. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện, GV quan sát điều hành lớp. B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức cho hs báo cáo, thảo luận. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV thực hiện.	+ Dưới đây là một dàn ý tham khảo cho vấn đề: “<i>Bảo vệ động vật hoang dã- trách nhiệm không của riêng ai</i>”	
	Mở bài	Nêu việc bảo vệ động vật hoang dã hiện nay và tầm quan trọng của vấn đề: bảo vệ động vật hoang dã ngăn chặn nguy cơ động vật hoang dã bị tuyệt chủng, giữ gìn cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống của con người.

	Thân bài	<i>Hệ thống luận điểm:</i> + <i>Bảo vệ động vật hoang dã là một yêu cầu cấp thiết.</i> + <i>Hiện nay, một số người vẫn chưa có ý thức bảo vệ động vật hoang dã.</i> + <i>Ý kiến trái chiều: Có những người nói bảo vệ động vật hoang dã là trách nhiệm của người sống gần rừng hoặc trong rừng.</i>
	Kết bài	<i>Thông điệp về việc bảo vệ động vật hoang dã.</i>

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs		Dự kiến sản phẩm			
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: -GV cho HS thời gian viết bài trên cơ sở vấn đề đã chọn lựa và lập dàn ý (có thể cho hs làm ở nhà nếu không đủ thời gian) B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện viết bài, viết xong kiểm tra lại bài làm, tự sửa lỗi theo bảng kiểm, chỉnh sửa hoàn thiện theo yêu cầu, GV quan sát điều hành lớp. B3. Báo cáo thảo luận: HS thực hiện nộp bài trực tiếp hoặc onl. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV thực hiện		- Bài làm của học sinh.			
		Bảng kiểm kĩ năng viết			
		Nội dung kiểm tra		Đạt	Chợ a đạt
		Nội dun g	Mở bài: Giới thiệu được phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết muốn phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó		
			Thân bài: - Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. - Nêu được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận. - Sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm.		
Kết bài: Thể hiện thông điệp (hưởng ứng hoặc kêu gọi) dưới					

		dạng những câu nói ngắn gọn và mạnh mẽ, thúc giục người tiếp nhận thay đổi nhận thức hoặc có hành động đáp ứng phù hợp		
	Hình thức	Đảm bảo hình thức của một bài phát biểu có đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài		
		Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt		
		Sử dụng các yếu tố hỗ trợ để hỗ trợ bài viết		
		Ngôn ngữ phải phù hợp với người đọc		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

- a. **Mục tiêu:** Hs thấy được những ưu điểm và hạn chế trong bài viết của mình, có hướng khắc phục và phát huy.
- b. **Nội dung:** Về 1 vấn đề NLXH.
- c. **Sản phẩm:** Bài viết của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS nhận bài, chú ý tới nhận xét của thầy cô về những ưu điểm và hạn chế trong bài làm của mình để có hướng khắc phục và phát huy Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, trong bài có nhận xét về bài làm của HS. Bước 3. Báo cáo thảo luận: HS xem lại bài viết và phần nhận xét của GV để có hướng phân đầu cho bài tiếp theo. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:	GV nhận xét: - Đề tài lựa chọn - Hệ thống ý - Lập luận - Diễn đạt -

4. **Củng cố:** Yêu cầu của kiểu bài, quy trình viết bài.
5. **HĐVN:** HS chọn 1 vấn đề xã hội mà mình quan tâm và có ý nghĩa với cộng đồng, lập dàn ý bài viết, căn cứ vào dàn ý viết bài văn. GV kiểm tra nhận xét bổ sung cho bài làm của học sinh. Chuẩn bị bài nói và nghe.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE
Tiết 105. TRÌNH BÀY VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC
Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu và chọn được vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Có những hiểu biết chín chắn, sâu sắc về những vấn đề được bàn luận thể hiện qua hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và các giải pháp được đề xuất trong bài thuyết trình.
- Phát triển kĩ năng tương tác, văn hoá tranh luận vốn được rèn luyện từ các lớp dưới, chủ động hơn trong việc trao đổi các vấn đề được thuyết trình

2. Về năng lực:

- Xác định được các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức.
- Có hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và giải pháp được đề xuất trong bài thuyết trình
- Trình bày được bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài thuyết trình.

3. Về phẩm chất:

- Có hiểu biết chín chắn, sâu sắc về các vấn đề liên quan đến cơ hội, thách thức đối với đất nước phù hợp với lứa tuổi.
- Thể hiện được văn hóa tranh luận, chủ động hơn trong việc trao đổi về vấn đề được thuyết trình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS xem clip: https://youtu.be/04Kf_0kppPM?si=L6EJsI6ehDzoWs Giả sử em là một vị khách nước ngoài, hãy chia sẻ suy nghĩ và mong muốn của em sau khi xem xong clip trên?	Từ câu trả lời của học sinh GV dẫn dắt vào bài học: - Phát triển du lịch bền vững là một trong vô vàn những cơ hội cũng như thách thức đối với sự phát triển chung của nước ta hiện nay. Bước chân ra khỏi cổng trường THPT, các em sẽ chính thức trở thành những chủ
---	--

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. - GV động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời thể hiện quan điểm cá nhân. - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến. Bước 4: Kết luận, nhận định	nhân làm chủ vận mệnh đất nước. Nhận diện được những cơ hội và thách thức đối với tổ quốc trong giai đoạn hiện nay là sứ mệnh cao cả của thế hệ thanh niên. Và bài học ngày hôm nay: “Trình bày một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước” sẽ cung cấp cho các em những kiến thức, kĩ năng quan trọng khi bước chân vào cuộc sống.
--	---

STT	Các bước	Nội dung
1	Chuẩn bị nói	
2	Thực hành nói	
3	Trao đổi, đánh giá	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Chọn được vấn đề thiết thực, có ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước hiện nay, thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những vấn đề lớn của xã hội.

b. **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm.

c. Sản phẩm:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	I. Tìm hiểu quy trình thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

Câu 1: Quy trình thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước gồm những bước nào? AC hãy hoàn thiện bảng sau:	STT	Các bước	Nội dung
Câu 2. Thực hiện phiếu học tập sau: PHIẾU HỌC TẬP Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước Tên Nhóm Lớp Em hãy lựa chọn một vấn đề	1	Chuẩn bị nói	- Lựa chọn đề tài: Lựa chọn một vấn đề thực sự có ý nghĩa đối với đất nước trong bối cảnh hiện nay, có thể tham khảo các thông tin trên báo, đài, tivi, các buổi phát động phong trào của nhà trường, xin ý kiến tư vấn của người thân. - Tìm ý và sắp xếp ý + Đặt câu hỏi để tìm ý Một số câu hỏi để tìm ý: <i>Bản chất của vấn đề là gì? Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện? Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cần được trình bày như thế nào? Những lí lẽ, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh? Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra?</i> + Sắp xếp những ý tìm được một cách hợp lí thành dàn ý của bài thuyết trình, gồm đủ các phần: Mở đầu, Triển khai,

liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước và lập dàn ý cho vấn đề đó. (Gợi ý: Sử dụng trí tuệ nhân tạo; Du lịch bền vững; Sản xuất nông nghiệp sạch...) B2. Thực hiện nhiệm vụ + Tổ chức chia sẻ cặp đôi/ theo nhóm theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích B3. Báo cáo thảo luận + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chuẩn yêu cầu			Kết luận
	2	Thực hành nói	- <i>Mở đầu:</i> Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,... - <i>Triển khai:</i> + Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước. + Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề. Tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chỉ đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội. + Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề. <i>Kết luận:</i> Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.
	3	Trao đổi, đánh giá	- Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề thuyết trình, độ chính xác của các thông tin; tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng; cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có nội dung nào chưa rõ, có thể yêu cầu người nói giải thích thêm. Người nói cần làm rõ một số chi tiết trong bài nói theo yêu cầu của người nghe, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. **Mục tiêu:** Trình bày được bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và

thách thức đối với đất nước.

b. **Nội dung:** Trình bày bài nói theo dàn ý đã lập.

c. Sản phẩm:

- Bài trình bày miệng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ cho HS: Thuyết trình vấn đề sau: Cơ hội và thách thức của Việt Nam trong bối cảnh Toàn cầu hóa? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác quan sát, nhận xét B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV kết luận như mục <i>Sản phẩm</i>.	II. Luyện tập HS có thể đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng khác nhau, chỉ cần thuyết phục và hợp lí. Có thể tham khảo hướng dưới đây: - Mở đầu: Xin chào thầy cô và các bạn, hôm nay tôi sẽ trình bày về cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong bối cảnh Toàn cầu hóa. Xin mời thầy cô và các bạn cùng lắng nghe. - Triển khai: Toàn cầu hóa là xu hướng tất yếu của thời đại, mở ra những cơ hội to lớn cho các quốc gia.... + Về cơ hội: . Mở rộng thị trường: Học hỏi kinh nghiệm và công nghệ: Nâng cao trình độ nguồn nhân lực:... . Thu hút đầu tư nước ngoài: + Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức: . Cạnh tranh gay gắt: Nguy cơ bị "bên lề hóa": Tác động tiêu cực đến môi trường: Nguy cơ ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống:... + Để nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cần: . Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. . Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. . Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. . Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. . Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. - Kết luận: Toàn cầu hóa là cơ hội to lớn nhưng cũng là thách thức không nhỏ đối với Việt Nam.... Xin trân trọng cảm ơn! Chúc buổi thuyết trình thành công tốt đẹp!

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài thuyết trình.

b. Nội dung:

Câu 1. Đánh giá chất lượng của bài nói theo bảng tiêu chí sau và rút ra kinh nghiệm cho bản thân để thuyết trình tốt hơn.

STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	- <i>Mở đầu:</i> Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. - <i>Triển khai:</i> + Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước. + Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề. - <i>Kết luận:</i> Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.		
2	Thể hiện sự tôn trọng đối phương thông qua việc lắng nghe và phản hồi lịch sự.		
3	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, thay đổi ngữ điệu (âm lượng, tốc độ,...) linh hoạt.		
4	Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.		
5	Đảm bảo thời gian trình bày.		

Câu 2. Chuẩn bị bài nói để tham gia thuyết trình về những suy nghĩ, lựa chọn của thế hệ trẻ trong tương lai trước những cơ hội và thách thức của đất nước.

c. Sản phẩm:

Câu 1. Ý kiến đánh giá và kinh nghiệm rút ra của HS.

Câu 2. Phân chuẩn bị của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, nộp sản phẩm qua phần mềm học tập (nếu có) và chuẩn bị cho cuộc tranh luận với chủ đề tự chọn.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3 - 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV tổ chức cho HS đánh giá, gọi 1-2 HS trả lời, các HS khác góp ý, chia sẻ kinh nghiệm. GV kết luận.

4. Củng cố:

5. HDVN:

